

CHI TIẾT CÂU BỎ ĐỀ THI

Tên Bỏ Đề Thi: qn

Môn học: ĐIỀU KHIẾN_3.2011

Thời gian thi: 60

Giáo viên soạn đề: (đã duyệt và ký tên)

Số câu hỏi: 263

Ngày soạn đề: 10/09/2012 (NVKT: admin)

Câu 1: Trong hệ đo lường SI, 1N (Niuton) :



- A. a. $1N = 1kg \cdot m/s^2$
- B. a. $1N = 1kg \cdot m/s$
- C. a. $1N = 1kg \cdot m^2/s^2$
- D. a. $1N = 1kg \cdot m^2/s$

Câu 2: Đơn vị đo áp suất : at (atmophe) =



- A. kg/cm
- B. kg/cm^2
- C. kp/cm
- D. kp/cm^2

Câu 3: Đơn vị đo áp suất : Pa (Pascal)



- A. $1Pa = 1N/m$
- B. b. $1Pa = 1N/m^2$
- C. b. $1Pa = 1N/cm$
- D. b. $1Pa = 1N/cm^2$

Câu 4: Đơn vị đo áp suất : Bar (Bar)



- A. $1bar = 10^5 N/m$
- B. b. $1bar = 10^5 N/m^2$
- C. $1bar = 10^5 N/cm$
- D. b. $1bar = 10^5 N/cm^2$

Câu 5: Lực 1 kp:



- A. $1kp = 9,81 (N)$
- B. $1kp = 0,981 (N)$
- C. $1kp = 9,81 \cdot 10^3 (N)$
- D. $1kp = 0,981 \cdot 10^3 (N)$

Câu 6: Áp suất không khí có đặc điểm :



- A. Là hằng số.
- B. Thay đổi theo khu vực địa lý và thời tiết
- C. Thay đổi theo thời gian
- D. Thay đổi theo mùa

Câu 7: Trong thực tế các dạng hệ áp suất chủ :



- A. Áp suất tuyệt đối
- B. Áp suất d
- C. Áp suất chân không

D. Chân không tuyệt đối

Câu 8: Một bình chứa khí có $V_1 = 1 \text{ m}^3$, $P_1 = 0,6 \text{ bar}$. Khi nén xuống thể tích $V_2 = 0,5 \text{ m}^3$, áp suất trong bình khi đó là :

A. $P_2 = 1 \text{ bar}$

☒ B. $P_2 = 1,2 \text{ bar}$

C. $P_2 = 2 \text{ bar}$

D. $P_2 = 2,1 \text{ bar}$

Câu 9: Một bình chứa khí có $V_1 = 0,8 \text{ m}^3$, nhiệt độ $T_1 = 293 \text{ K}$. Khi bình nóng tới $T_2 = 344 \text{ K}$. Hỏi thể tích trong bình khi đó là ?

A. $V_2 = 0,15 \text{ m}^3$

☒ B. $V_2 = 0,95 \text{ m}^3$

C. $V_2 = 0,9 \text{ m}^3$

D. $V_2 = 0,85 \text{ m}^3$

Câu 10: Công thức tính lực tác động của pittông theo lý thuyết. F là lý thuyết (N), A diện tích hiệu dụng của pittông (m^2), P áp suất tác động (Pa), η hiệu suất

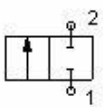
A. $F = (A/P) * \eta$

☒ B. $F = A * P * \eta$

C. $F = (A^2/P) * \eta$

D. $F = A^2 * P * \eta$

Câu 11: Phân tử này là :



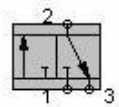
☒ A. 2/2

B. 3/2

C. 4/2

D. 5/2

Câu 12: Phân tử này là :



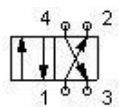
A. 2/2

☒ B. 3/2

C. 4/2

D. 5/2

Câu 13: Phân tử này là :



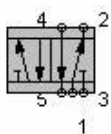
A. 2/2

B. 3/2

☒ C. 4/2

D. 5/2

Câu 14: Phấn t₀ này là :



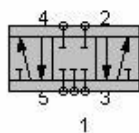
A. 2/2

B. 3/2

C. 4/2

☒ D. 5/2

Câu 15: Phấn t₀ này là :



☒ A. 5/3

B. 3/2

C. 4/2

D. 5/2

Câu 16: Khí nén được con người sử dụng đầu tiên năm 100 trước công nguyên do:

☒ A. Người Hy Lạp

B. Người Đức

C. Người Trung Quốc

D. Người Mã

Câu 17: Khí nén được sử dụng trong các máy móc công nghiệp từ :

A. Thế kỷ XVI

B. Thế kỷ XVII

C. Thế kỷ XVIII

☒ D. Thế kỷ XIX

Câu 18: Khả năng ứng dụng của khí nén :

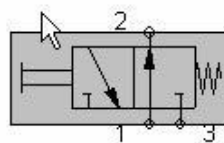
A. Truyền động thẳng

B. Truyền động quay

C. Truyền động thẳng, truyền động quay

☒ D. Trong các truyền động thẳng, truyền động quay và các thiết bị và đồ

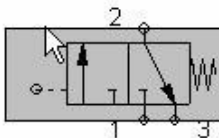
Câu 19: Phấn t₀ này là:



☒ A. Nút nh₀n 3/2 thông m₀

- B. Nút nh ấn 3/2 thông đồng
- C. Nút nh ấn gài 3/2 thông m
- D. Nút nh ấn gài 3/2 thông đồng

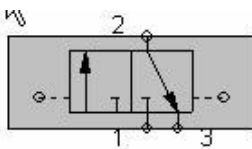
Câu 20: Phần t này là :



- A. Công tắc hành trình tác động 2 chiều.
- B. Công tắc hành trình tác động một chiều.
- C. Van điều khiển 3/2 duy trì.
- D. Van điều khiển 3/2 không duy trì



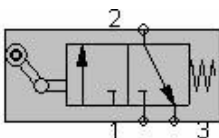
Câu 21: Phần t này là :



- A. Công tắc hành trình tác động 2 chiều.
- B. Công tắc hành trình tác động một chiều.
- C. Van điều khiển 3/2 duy trì.
- D. Van điều khiển 3/2 không duy trì



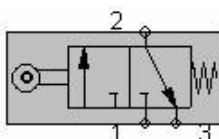
Câu 22: Phần t này là :



- A. Công tắc hành trình tác động 2 chiều.
- B. Công tắc hành trình tác động một chiều.
- C. Van điều khiển 3/2 duy trì.
- D. Van điều khiển 3/2 không duy trì



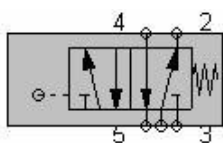
Câu 23: Phần t này là :



- A. Công tắc hành trình tác động 2 chiều.
- B. Công tắc hành trình tác động một chiều.
- C. Van điều khiển 3/2 duy trì.
- D. Van điều khiển 3/2 không duy trì

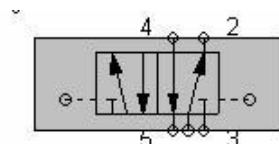


Câu 24: Phần t này là :



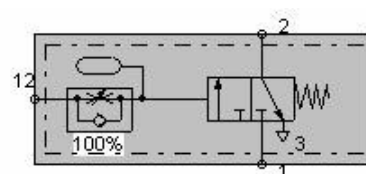
- A. Van điều khiển 4/2 duy trì.
- B. Van điều khiển 4/2 không duy trì
- C. Van điều khiển 5/2 duy trì.
- ☒ D. Van điều khiển 5/2 không duy trì

Câu 25: Phần tử này là :



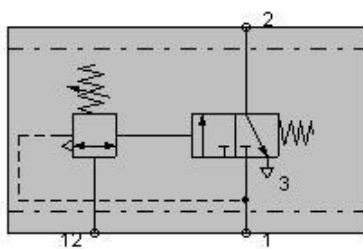
- A. Van điều khiển 4/2 duy trì.
- B. Van điều khiển 4/2 không duy trì
- ☒ C. Van điều khiển 5/2 duy trì.
- D. Van điều khiển 5/2 không duy trì

Câu 26: Phần tử này là :



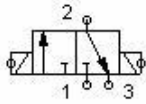
- ☒ A. Ròle thời gian thông đóng.
- B. Ròle thời gian thông mở.
- C. Ròle áp suất
- D. Van điều khiển 5/3

Câu 27: Phần tử này là :



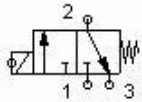
- A. a. Ròle thời gian thông đóng.
- B. b. c. d.
- ☒ C. Ròle áp suất
- D. Van điều khiển 5/3

Câu 28: Phần tử này là:



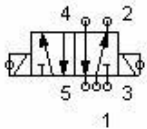
- ☒ A. Van điẹn t 3/2 duy trì.
- ☐ B. Van điẹn t 3/2 không duy trì.
- ☐ C. Van điẹn t 4/2 duy trì.
- ☐ D. Van điẹn t 4/2 không duy trì

Câu 29: Phn t này là:



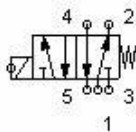
- ☐ A. Van điẹn t 3/2 duy trì.
- ☒ B. Van điẹn t 3/2 không duy trì
- ☐ C. Van điẹn t 4/2 duy trì.
- ☐ D. Van điẹn t 4/2 không duy trì

Câu 30: Phn t này là :



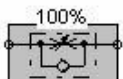
- ☒ A. Van điẹn t 5/2 duy trì.
- ☐ B. Van điẹn t 5/2 không duy trì.
- ☐ C. Van điẹn t 5/3
- ☐ D. Van OR

Câu 31: Phn t này là :



- ☐ A. Van điẹn t 5/2 duy trì.
- ☒ B. Van điẹn t 5/2 không duy trì.
- ☐ C. Van điẹn t 5/3
- ☐ D. Van AND

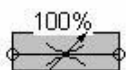
Câu 32: Phn t này là:



- ☒ A. Van tiết l 1 chi u.
- ☐ B. Van tiết l 2 chi u.
- ☐ C. Van logic OR

D. Van logic AND

Câu 33: Phần tử này là:



A. Van tiết lưu 1 chiều.

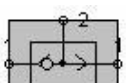


B. Van tiết lưu 2 chiều.

C. Van logic OR

D. Van logic AND

Câu 34: Phần tử này là:



A. Van tiết lưu 1 chiều.

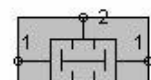
B. Van tiết lưu 2 chiều.



C. Van logic OR

D. Van logic AND

Câu 35: Phần tử này là:



A. Van tiết lưu 1 chiều.

B. Van tiết lưu 2 chiều.

C. Van logic OR



D. Van logic AND

Câu 36: Theo nguyên lý thay đổi tích , ta có :

A. Máy nén khí kiểu pittông

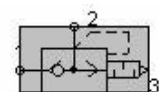
B. Kiểu bánh răng

C. Kiểu ly tâm



D. Máy nén khí kiểu pittông, Kiểu bánh răng

Câu 37: Phần tử này là:



A. Van tiết lưu 1 chiều.



B. Van xả nhanh

C. Van logic OR

D. Van logic AND

Câu 38: Một lưu điểm của truyền động khí nén :
a. b. c.

A. Lưu truyền tải trọng cao

-  B. Có khả năng truyền tải năng lượng đi xa vì tần số áp suất trên đường dẫn ít.
- C. Không gây tiếng ồn trong quá trình làm việc.
- D. Thực hiện được các chuyển động thông tuyến tính và quay đều.

Câu 39: Một nhớt điôm của truyền động khí nén :

- A. Không có khả năng truyền tải năng lượng đi xa vì tần số áp suất trên đường dẫn ít.
- B. Không cần thu hồi khí thải
- C. Chi phí lắp đặt và vận hành thấp
-  D. Không thực hiện được các chuyển động thông tuyến tính và quay đều.

Câu 40: Đơn vị của biến của áp suất là Pascal (Pa) :

-  A. $1\text{Pa} = 1 \text{ N/m}^2$
- B. $1\text{Pa} = 10 \text{ N/m}^2$
- C. $1\text{Pa} = 100 \text{ N/m}^2$
- D. $1\text{Pa} = 1000 \text{ N/m}^2$

Câu 41: Trong thực tế người ta coi quan hệ giữa các đơn vị đo áp suất :

- A. $1\text{Pa} = 1\text{Bar} = 1\text{kp/cm}^2 = 1 \text{ MPa}$
-  B. $10^5 \text{ Pa} = 1\text{Bar} = 1\text{kp/cm}^2 = 0,1 \text{ MPa}$
- C. $10\text{Pa} = 1\text{Bar} = 1\text{kp/cm}^2 = 1 \text{ MPa}$
- D. $1\text{Pa} = 1\text{Bar} = 1\text{kp/cm}^2 = 10 \text{ MPa}$

Câu 42: Quan hệ giữa các loại áp suất :

- A. $P_E \geq P_K > P_V$
- B. $P_E > P_K \geq P_V$
-  C. $P_E > P_K > P_V$
- D. $P_E < P_K < P_V$

Câu 43: Nguyên tắc hoạt động của một số máy nén khí:

-  A. Theo nguyên lý thay đổi thể tích
- B. Theo nguyên lý thay đổi áp suất
- C. Theo nguyên lý cảm ứng điện từ
- D. Theo nguyên lý thời gian

Câu 44: Nguyên tắc hoạt động của một số máy nén khí:

- A. Theo nguyên lý thay đổi áp suất
-  B. Theo nguyên lý động năng
- C. Theo nguyên lý thay đổi lưu lượng dòng khí
- D. Theo nguyên lý cảm ứng điện từ

Câu 45: Theo nguyên lý động năng. Ta có :

-  A. Máy nén khí kiểu li tâm
- B. Kiểu pittông
- C. Kiểu bánh răng
- D. Kiểu cánh gạt

Câu 46: Hệ thống thiết bị phân phối khí nén gồm:

-  A. Máy nén khí, Các bình trích chũa và mớing đờng ớng dờn khí và các thiế t bả ớc và van xỏ
- B. Máy nén khí, Các bình trích chũa và mớing đờng ớng dờn khí và các van logic
- C. Máy nén khí, Các bình trích chũa và mớing đờng ớng dờn khí và các phỏn tỏ xỏ lý tín hiệ u vào
- D. Máy nén khí, Các bình trích chũa và mớing đờng ớng dờn khí và các cỏ cỏu chỏp hành

Câu 47: Trong hỏ thớng điệ u khíỏn, phỏn tỏ vào là:

-  A. Nguồ n khí, vớ i áp suấ t 6 – 8 Bar
- B. Nguồ n khí, vớ i áp suấ t 6 – 8 Bar và các Nú t nhỏn, công tợ c hành trỡnh, cỏm biể n
- C. Nguồ n khí, vớ i áp suấ t 6 – 8 Bar và các Van tiế t ớu, van logic OR, AND
- D. Nguồ n khí, vớ i áp suấ t 6 – 8 Bar và các Van đờo chiệ u, ly hỏp

Câu 48: Trong hỏ thớng điệ u khíỏn, phỏn tỏ đờa tín hiệ u vào là:

- A. Nú t nhỏn, công tợ c hành trỡnh, cỏm biể n và các Xylanh, đờng cỏ khí nén
-  B. Nú t nhỏn, công tợ c hành trỡnh, cỏm biể n
- C. Nú t nhỏn, công tợ c hành trỡnh, cỏm biể n và các Van tiế t ớu, van logic OR, AND
- D. Nú t nhỏn, công tợ c hành trỡnh, cỏm biể n và các Van đờo chiệ u, ly hỏp

Câu 49: Trong hỏ thớng điệ u khíỏn, phỏn tỏ xỏ lý tín hiệ u là:

- A. Xylanh, đờng cỏ khí nén
- B. Van tiế t ớu, van logic OR, AND, Nú t nhỏn, công tợ c hành trỡnh, cỏm biể n
-  C. Van tiế t ớu, van logic OR, AND
- D. Van tiế t ớu, van logic OR, AND, Van đờo chiệ u, ly hỏp

Câu 50: Trong hỏ thớng điệ u khíỏn, phỏn tỏ điệ u khíỏn là:

- A. Van đờo chiệ u, ly hỏp, Xylanh, đờng cỏ khí nén
- B. Van đờo chiệ u, ly hỏp, Nú t nhỏn, công tợ c hành trỡnh, cỏm biể n
- C. Van đờo chiệ u, ly hỏp, Van tiế t ớu, van logic OR, AND
-  D. Van đờo chiệ u, ly hỏp

Câu 51: Trong hỏ thớng điệ u khíỏn, cỏ cỏu chỏp hành là:

-  A. Xylanh, đờng cỏ khí nén
- B. Nú t nhỏn, công tợ c hành trỡnh, cỏm biể n, Xylanh, đờng cỏ khí nén
- C. Van tiế t ớu, van logic OR, AND, Xylanh, đờng cỏ khí nén
- D. Van đờo chiệ u, ly hỏp, Xylanh, đờng cỏ khí nén

Câu 52: Trong các xy lanh tiêu chuẩn tợ c đờ chuyể n đờng trung bình là :

-  A. 0,1 – 1,5 m/s
- B. 1,5 – 2,5 m/s
- C. 2,5 – 3,5 m/s
- D. 3,5 – 5 m/s

Câu 53: Các xy lanh đờc biế t tợ c đờ chuyể n đờng có thỏ đờ t tợ i :

- A. 5 m/s
- B. 7,5 m/s
-  C. 10 m/s
- D. 12,5 m/s

Câu 54: Động cơ khí nén loại piston được chế tạo trong giới công suất :



- A. 1,5 – 19 Kw (2 – 25 HP)
- B. 0,1 – 18 Kw (0,1 – 24 HP)
- C. max 44 Kw (60 HP)
- D. max 3,5 Kw (5 HP)

Câu 55: Động cơ khí nén loại cánh gạt được chế tạo trong giới công suất :



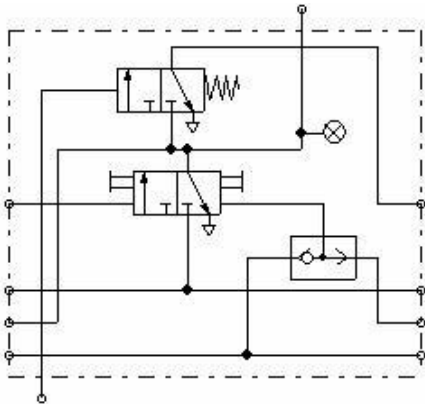
- A. 1,5 – 19 Kw (2 – 25 HP)
- B. 0,1 – 18 Kw (0,1 – 24 HP)
- C. max 44 Kw (60 HP)
- D. max 3,5 Kw (5 HP)

Câu 56: Động cơ khí nén loại bánh răng được chế tạo trong giới công suất :



- A. 1,5 – 19 Kw (2 – 25 HP)
- B. 0,1 – 18 Kw (0,1 – 24 HP)
- C. max 44 Kw (60 HP)
- D. max 3,5 Kw (5 HP)

Câu 57: Phần tử này là :



- A. Mạch điều khiển theo nhịp
- B. Modul TAA
- C. Modul TAB
- D. Modul TAC

Câu 58: Phần tử này là :

- C. Công tắc hành trình thông đóng
- D. Công tắc hành trình thông đóng đang bị tác động.

Câu 61: Phần tử 1S1 là :



- A. Nút nhấn thông mở.
- B. Nút nhấn thông đóng.
- C. Công tắc hành trình thông mở.
- D. Công tắc hành trình thông đóng.

Câu 62: Mạch được thiết kế theo phương pháp :



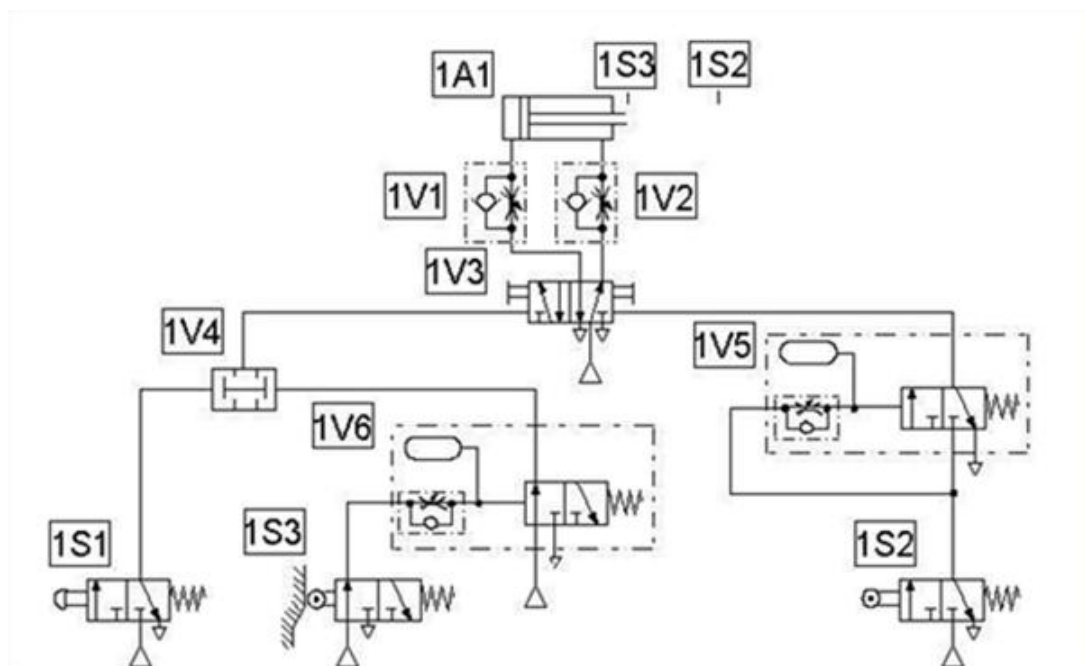
- A. Điều khiển theo chu trình
- B. Điều khiển theo nhịp
- C. Điều khiển theo tầng
- D. Điều khiển theo thời gian

Câu 63: Biết hành trình của 1A1 và 2A1 là 100 mm. Vậy vị trí chính xác của các công tắc hành trình là :



- A. 1S2 : 0 ; 1S3 : 0 ; 2S1 : 100 ; 2S2 : 100 .
- B. 1S2 : 100 ; 1S3 : 0 ; 2S1 : 100 ; 2S2 : 0 .
- C. 1S2 : 1 ; 1S3 : 1 ; 2S1 : 100 ; 2S2 : 100 .
- D. 1S2 : 0 ; 1S3 : 100 ; 2S1 : 0 ; 2S2 : 100 .

Mô tả sau đây dành cho 5 câu hỏi tiếp.



Câu 64: 1V3 là :



- A. Van đảo chiều 5/2 duy trì tác động bằng khí nén hoặc cơ khí.
- B. Van đảo chiều 5/2 không duy trì tác động bằng khí nén hoặc cơ khí.
- C. Van đảo chiều 5/2 duy trì tác động bằng khí nén
- D. Van đảo chiều 5/2 không duy trì tác động bằng khí nén

Câu 65: 1S3 là :

- A. Nút nh ấn th òng đóng
- B. Nút nh ấn th òng m ò đang b ò tác ð òng.
- C. Công tắc hành trình th òng m ò đang tác ð òng
-  D. Công tắc hành trình th òng đóng đang tác ð òng

Câu 66: 1V5 là :

-  A. Role th òi gian th òng đóng.
- B. Role th òi gian th òng đóng đang tác ð òng.
- C. Role th òi gian th òng m ò.
- D. Role th òi gian th òng m ò đang tác ð òng.

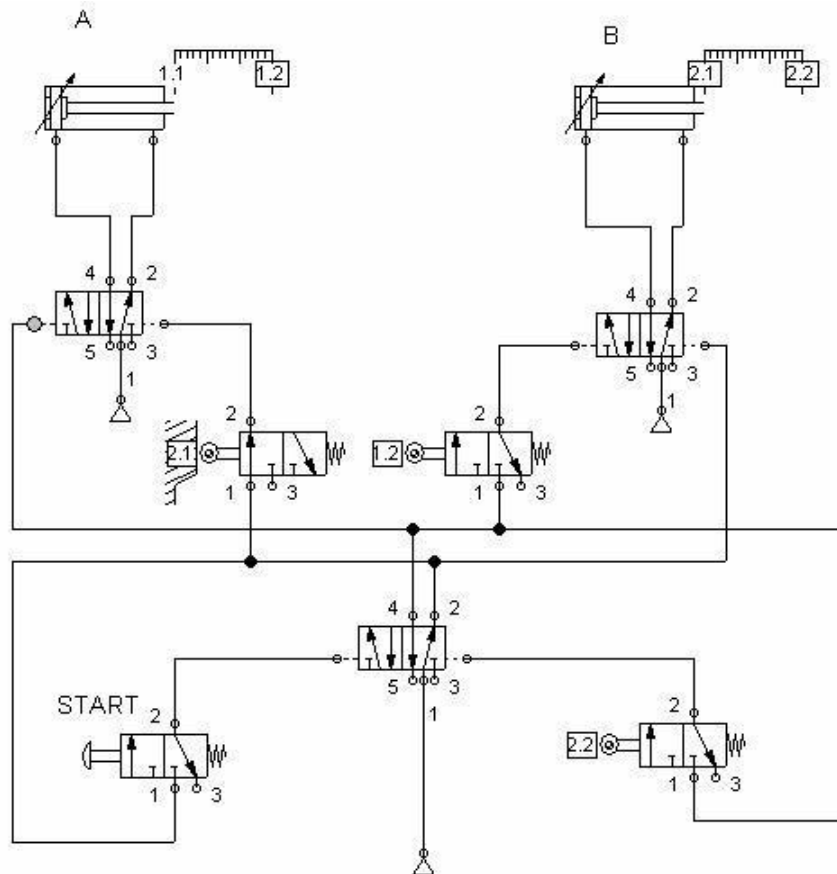
Câu 67: 1V6 là

- A. role th òi gian th òng đóng.
-  B. role th òi gian th òng đóng đang tác ð òng.
- C. role th òi gian th òng m ò.
- D. role th òi gian th òng m ò đang tác ð òng.

Câu 68: Tác ð òng của 1V4 :

-  A. Khi k òt thúc 1 chu trình ph òi ch ò 1 kho òng th òi gian m òi ð iều khi òn chu trình l òp l òi ð òc.
- B. Khi k òt thúc 1 chu trình m òi có th ò ð iều khi òn chu trình l òp l òi ð òc.
- C. Có th ò ð iều khi òn l òp l òi b òt c ò lúc nào c òn.
- D. Không có tác ð òng, có th ò b ò ð i mà không ònh h òng ð òn nguyên lý m òch.

Mô t ò sau ðây dành cho 5 câu h òi k ò ti òp.
Cho m òch kh òi n òn ð iều khi òn theo t òng.



Câu 69: Mạch điều khiển máy tống ?

- A. 1
- ☒ B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 70: e2 là :

- A. 1.2
- B. Start
- C. 2.1
- ☒ D. 2.2

Câu 71: e1 là :

- A. 1.2
- ☒ B. Start
- C. 2.1
- D. 2.2

Câu 72: Nguyên lý hoạt động của mạch :

- ☒ A. $A+B+B-A-$
- B. $A+A-B+B-$
- C. $A+B+A-B-$

D. Theo nguyên lý khác

Câu 73: Vị trí chính xác của các công tắc hành trình 1.2 ; 2.1 ; 2.2

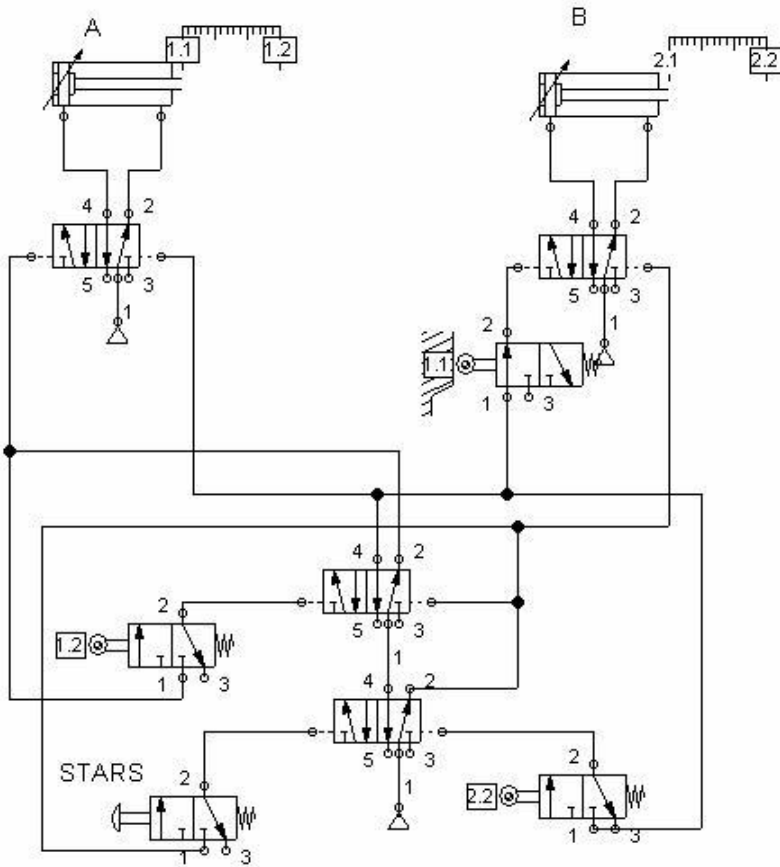
Biết hành trình tối đa của các xy lanh là 100 mm.



- A. 100 ; 0 ; 100
- B. 100; 1 ; 100
- C. 99 ; 0 ; 99
- D. 99 ; 1; 99

Mô tả sau đây dành cho 5 câu hỏi tiếp.

Cho mạch khí nén điều khiển theo từng :



Câu 74: Mạch máy từng ?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4



Câu 75: Tác động của 1.2 là

- A. Điều khiển A-
- B. e2
- C. e3
- D. Điều khiển B+



Câu 76: Tác động của 2.2 là

A. e2

☒ B. e3

C. Điều khiển B-

D. Điều khiển B+

Câu 77: Tác động của START là :

A. Điều khiển A+

☒ B. e1

C. e2

D. e3

Câu 78: Tác động của 1.1 là :

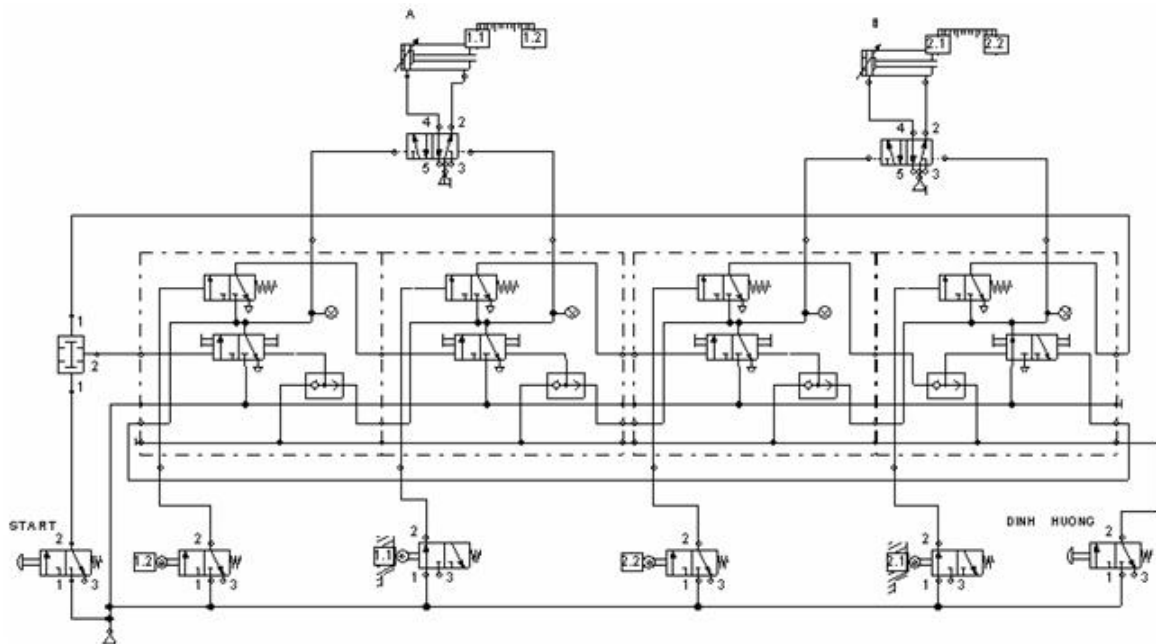
A. e2

B. e3

☒ C. Điều khiển B+

D. Điều khiển B-

Mô tả sau đây dành cho 5 câu hỏi kế tiếp.
Cho mạch khí nén điều khiển theo nhịp :



Câu 79: Tác động của van AND trong mạch là :

☒ A. Khi nhịp 4 kết thúc, nhịp 1 mới có thể được thực hiện.

B. Khi nhịp 4 đang thực hiện, nhịp 1 mới có thể được thực hiện.

C. Xóa nhịp 1 khi nhịp 4 đang hoạt động.

D. Xóa nhịp 4 khi nhịp 1 đang thực hiện

Câu 80: 1.1 và 2.1 là :

☒ A. Công tắc hành trình thông minh đang bị tác động.

B. Công tắc hành trình thông minh

- C. Công tắc hành trình thông đóng
- D. Công tắc hành trình thông đóng đang bị tác động.

Câu 81: Lập bảng điều khiển theo nhịp.

A.

Nhịp thực hiện	1	2	3	4
Xy lanh	A+	B+	B-	A-
Tín hiệu tác động	Y1	Y2	Y3	Y4
Nhận tín hiệu	2.1 + Start	1.2	2.2	2.1
Tín hiệu vào	X4	X1	X2	X3
Tín hiệu ra	A1	A2	A3	A4

B.

Nhịp thực hiện	1	2	3	4
Xy lanh	A+	A-	B+	B-
Tín hiệu tác động	Y1	Y2	Y3	Y4
Nhận tín hiệu	2.1 + Start	1.2	2.2	2.1
Tín hiệu vào	X4	X1	X2	X3
Tín hiệu ra	A1	A2	A3	A4

 C.

Nhịp thực hiện	1	2	3	4
Xy lanh	A+	A-	B+	B-
Tín hiệu tác động	Y1	Y2	Y3	Y4
Nhận tín hiệu	2.1 + Start	1.2	1.1	2.2
Tín hiệu vào	X4	X1	X2	X3
Tín hiệu ra	A1	A2	A3	A4

D.

Nhịp thực hiện	1	2	3	4
Xy lanh	A+	A-	B+	B-
Tín hiệu tác động	Y1	Y2	Y3	Y4
Nhận tín hiệu	2.1 + Start	2.2	1.1	1.2
Tín hiệu vào	X4	X1	X2	X3
Tín hiệu ra	A1	A2	A3	A4

Câu 82: Tác động của nút nhấn DINH HUONG

 A.

- Nút sắp xếp lại các nhịp với trạng thái ban đầu.
- B. Nút nhấn chuẩn bị cho mạch hoạt động.
- C. Nút dừng khẩn cấp.
- D. Nút nhấn báo với số 0 cho mạch.

Câu 83: Kết cấu của bộ điều khiển theo nhịp được số đứng trong mạch:

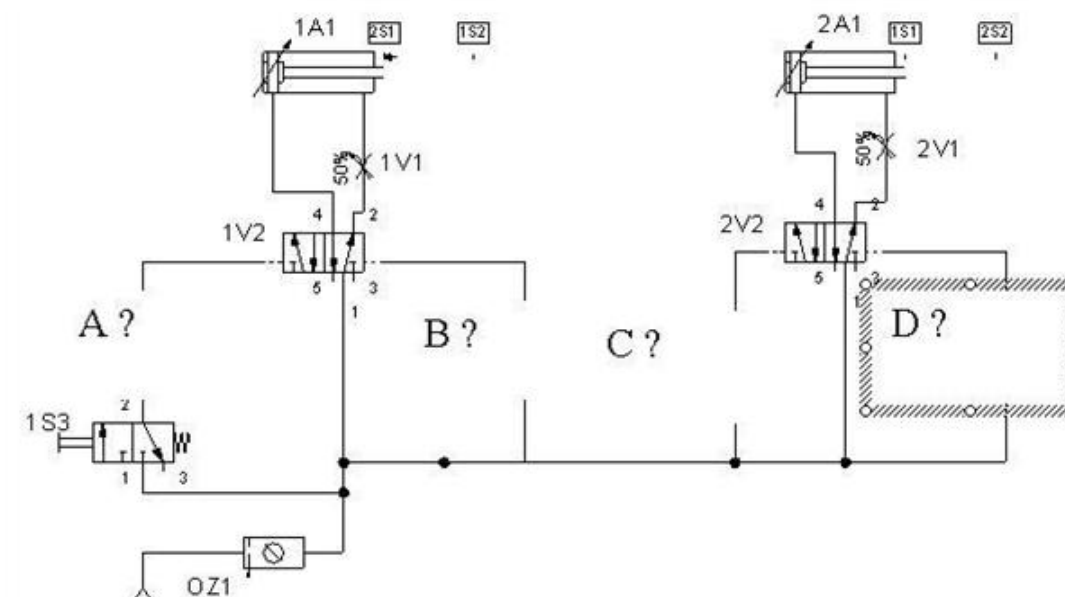
 A.

- 3 modul TAA, 1 modul TAB
- B. 3 modul TAA, 1 modul TAC
- C. 3 modul TAB, 1 modul TAC
- D. 3 modul TAC, 1 modul TAA

Mô tả sau đây dành cho 5 câu hỏi kế tiếp.

Cho mạch khí nén điều khiển theo chu trình : A+A-B+B-.

Em hãy hoàn thành sơ đồ mạch trên. Bật hành trình tối đa của các xy lanh là 100 mm



Câu 84: A ?

- ☒ A. 1S1, công tắc hành trình 2 chiều, vị trí 0
- B. 2S1, công tắc hành trình 2 chiều, vị trí 0
- C. 1S1, công tắc hành trình 1 chiều, vị trí 1
- D. 2S2, công tắc hành trình 1 chiều, vị trí 1

Câu 85: B ?

- ☒ A. 1S2, công tắc hành trình 2 chiều, vị trí 100
- B. 1S2, công tắc hành trình 1 chiều, vị trí 99
- C. 2S2, công tắc hành trình 1 chiều, vị trí 99
- D. 2S2, công tắc hành trình 2 chiều, vị trí 100

Câu 86: C ?

- A. 1S1, công tắc hành trình 1 chiều, vị trí 1
- ☒ B. 2S1, công tắc hành trình 1 chiều, vị trí 1
- C. 1S1, công tắc hành trình 2 chiều, vị trí 0
- D. 2S1, công tắc hành trình 2 chiều, vị trí 0

Câu 87: D ?

- A. 1S2, công tắc hành trình 1 chiều, vị trí 99
- B. 2S2, công tắc hành trình 1 chiều, vị trí 99
- C. 1S2, công tắc hành trình 2 chiều, vị trí 100
- ☒ D. 2S2, công tắc hành trình 2 chiều, vị trí 100

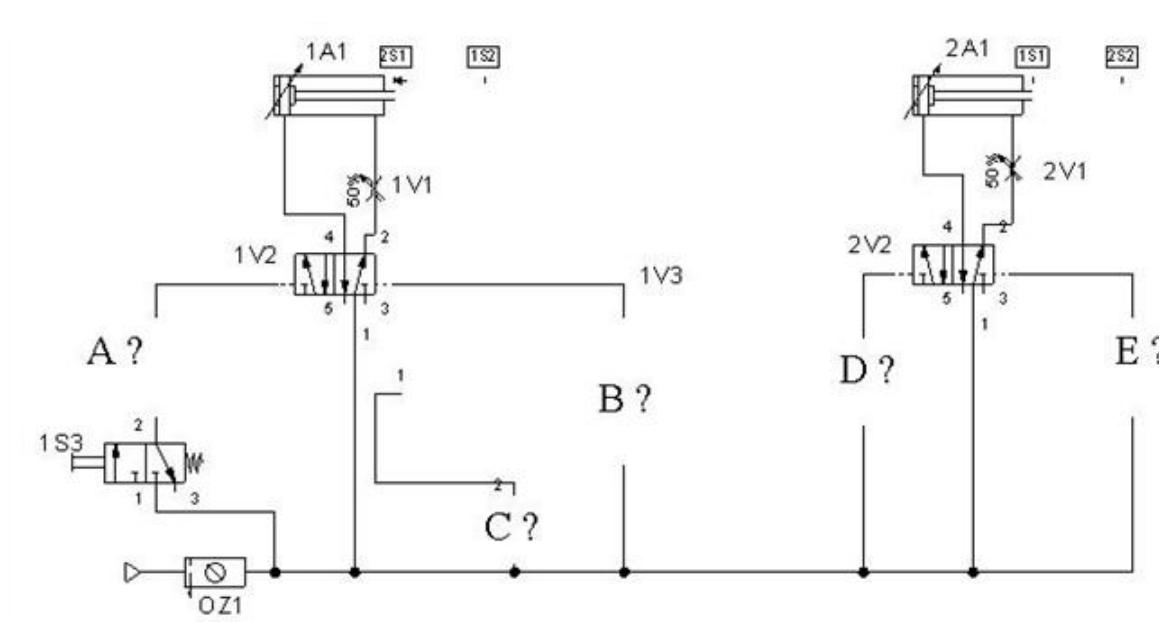
Câu 88: Vị trí chính xác của các công tắc hành trình là :

- ☒ A. 1S1:0; 1S2 : 100 ; 2S1 : 1 ; 2S2 : 100
- B. 1S1:0; 1S2 : 99 ; 2S1 : 1 ; 2S2 : 100
- C. 1S1:0; 1S2 : 100 ; 2S1 : 0 ; 2S2 : 100
- D. 1S1:0; 1S2 : 100 ; 2S1 : 1 ; 2S2 : 99

Mô tả sau đây dành cho 5 câu hỏi tiếp.

Cho mạch khí nén điều khiển theo chu trình : A+ ____A-B+B-

Em hãy hoàn thành sơ đồ mạch mạch trên. Biết hành trình tối đa của các xylanh là 100 mm



Câu 89: A ?

- ☒ A. 1S1: công tắc hành trình 2 chiều, vị trí 0
- ☐ B. 1S1: công tắc hành trình 1 chiều, vị trí 1
- ☐ C. 2S1: công tắc hành trình 2 chiều, vị trí 0
- ☐ D. 2S1: công tắc hành trình 1 chiều, vị trí 1

Câu 90: B ?

- ☒ A. Role thời gian thông đóng.
- ☐ B. role thời gian thông mở.
- ☐ C. 2S2: công tắc hành trình 2 chiều, vị trí 100
- ☐ D. 1S2: công tắc hành trình 1 chiều, vị trí 99

Câu 91: C ?

- ☒ A. 1S2 : công tắc hành trình 2 chiều, vị trí 100
- ☐ B. 1S2 : công tắc hành trình 1 chiều, vị trí 99
- ☐ C. role thời gian thông mở.
- ☐ D. 2S2 : công tắc hành trình 2 chiều, vị trí 100

Câu 92: D ?

- ☒ A. 2S1 : công tắc hành trình 1 chiều, vị trí 1
- ☐ B. 1S1 : công tắc hành trình 1 chiều, vị trí 1
- ☐ C. 1S1 : công tắc hành trình 2 chiều, vị trí 1
- ☐ D. 2S1 : công tắc hành trình 2 chiều, vị trí 1

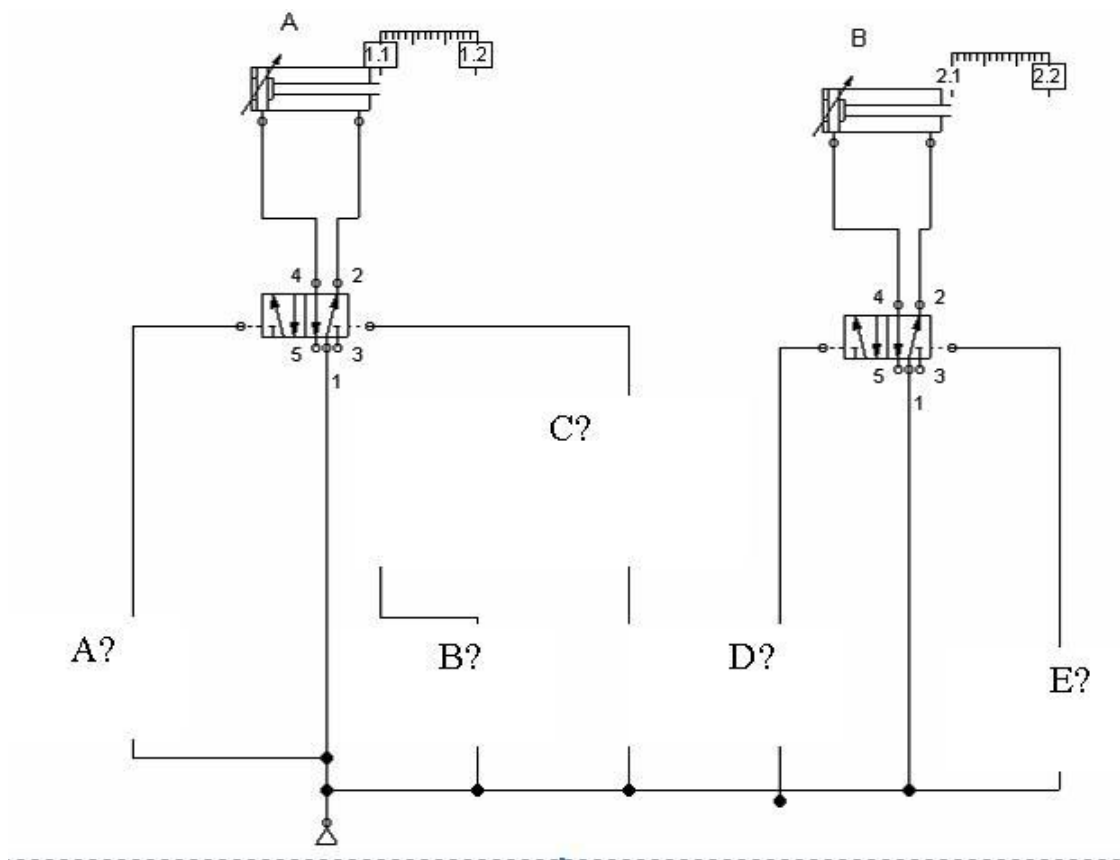
Câu 93: E ?

- ☒ A. 2S2 : công tắc hành trình 2 chiều, vị trí 100
- ☐ B. 2S2 : công tắc hành trình 1 chiều, vị trí 99

- C. 1S2 : công tắc hành trình 2 chiều, vị trí 100
D. 1S2 : công tắc hành trình 1 chiều, vị trí 99

Mô tả sau đây dành cho 5 câu hỏi tiếp.

Cho mạch khí nén hoạt động theo chu trình : A+B+_____A-B-
Hãy hoàn thành sơ đồ sau. Bật hành trình tối đa của các xylanh là 100 mm



Câu 94: A?

- ☒ A. Nút nh ấn 3/2 thông đóng.
☐ B. Nút nh ấn 3/2 thông mở.
☐ C. Nút nh ấn gài 3/2 thông đóng.
☐ D. Nút nh ấn gài 3/2 thông mở.

Câu 95: B?

- ☒ A. Công tắc hành trình 2.2
☐ B. Công tắc hành trình 1.1
☐ C. Công tắc hành trình 1.2
☐ D. Rò le thời gian thông đóng

Câu 96: C?

- ☐ A. Công tắc hành trình 2.2
☐ B. Công tắc hành trình 1.1
☐ C. Công tắc hành trình 1.2
☒ D. Rò le thời gian thông đóng.

Câu 97: D?

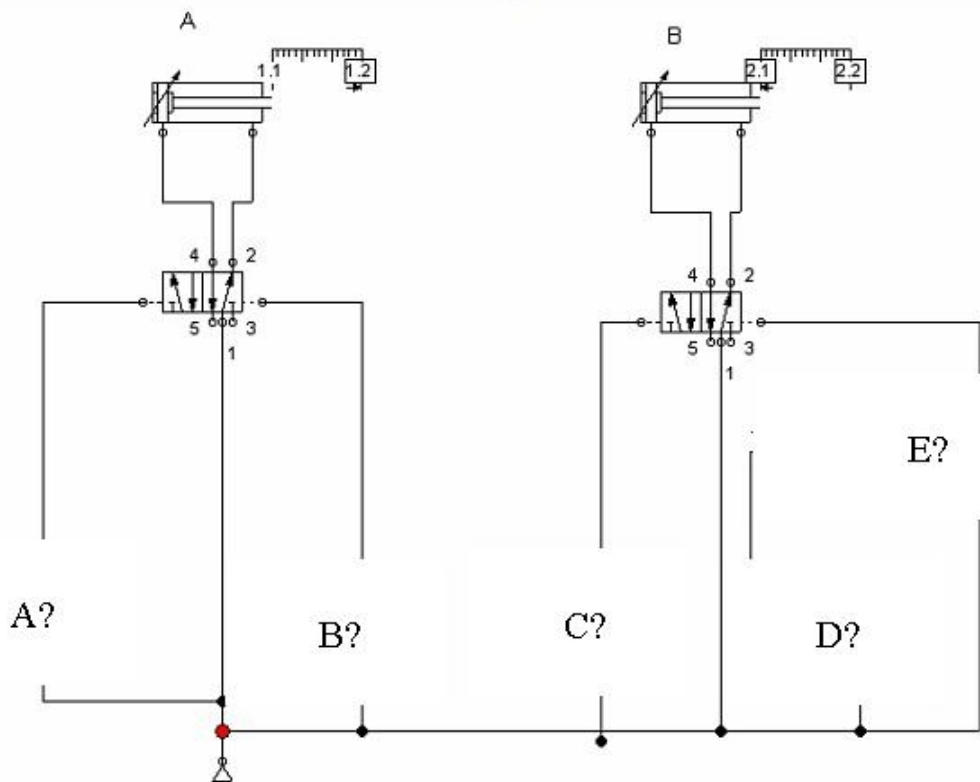
- A. Công tắc hành trình 2.2
- B. Công tắc hành trình 1.1
- ☒ C. Công tắc hành trình 1.2
- D. Rơ le thời gian thông đóng.

Câu 98: E?

- A. Công tắc hành trình 2.2
- ☒ B. Công tắc hành trình 1.1
- C. Công tắc hành trình 1.2
- D. Rơ le thời gian thông đóng.

Mô tả sau đây dành cho 5 câu hỏi tiếp.

Cho mạch khí nén điều khiển theo chu trình : A+B+_____B-A-
 Hãy hoàn thành sơ đồ mạch. Biết hành trình tối đa của các xy lanh là 100 mm



Câu 99: A?

- A. Công tắc hành trình 2.2
- B. Nút nhấn 3/2 thông mở.
- C. Công tắc hành trình 1.2
- ☒ D. Nút nhấn 3/2 thông đóng.

Câu 100: B?

- ☒ A. Công tắc hành trình 2.1, là công tắc hành trình 1 chiều, vị trí 1
- B. Công tắc hành trình 2.1, là công tắc hành trình 1 chiều, vị trí 0

- C. Công tắc hành trình 1.1, là công tắc hành trình 1 chiều, vị trí 1
- D. Công tắc hành trình 1.1, là công tắc hành trình 1 chiều, vị trí 0

Câu 101: C?

-  A. Công tắc hành trình 1.2, là công tắc hành trình 1 chiều, vị trí 99
- B. Công tắc hành trình 1.2, là công tắc hành trình 1 chiều, vị trí 1
- C. Công tắc hành trình 2.1, là công tắc hành trình 1 chiều, vị trí 99
- D. Công tắc hành trình 2.1, là công tắc hành trình 1 chiều, vị trí 1

Câu 102: D?

-  A. Công tắc hành trình 2.2, là công tắc hành trình 2 chiều, vị trí 100
- B. Công tắc hành trình 2.2, là công tắc hành trình 2 chiều, vị trí 0
- C. Công tắc hành trình 1.2, là công tắc hành trình 1 chiều, vị trí 99
- D. Công tắc hành trình 1.2, là công tắc hành trình 1 chiều, vị trí 1

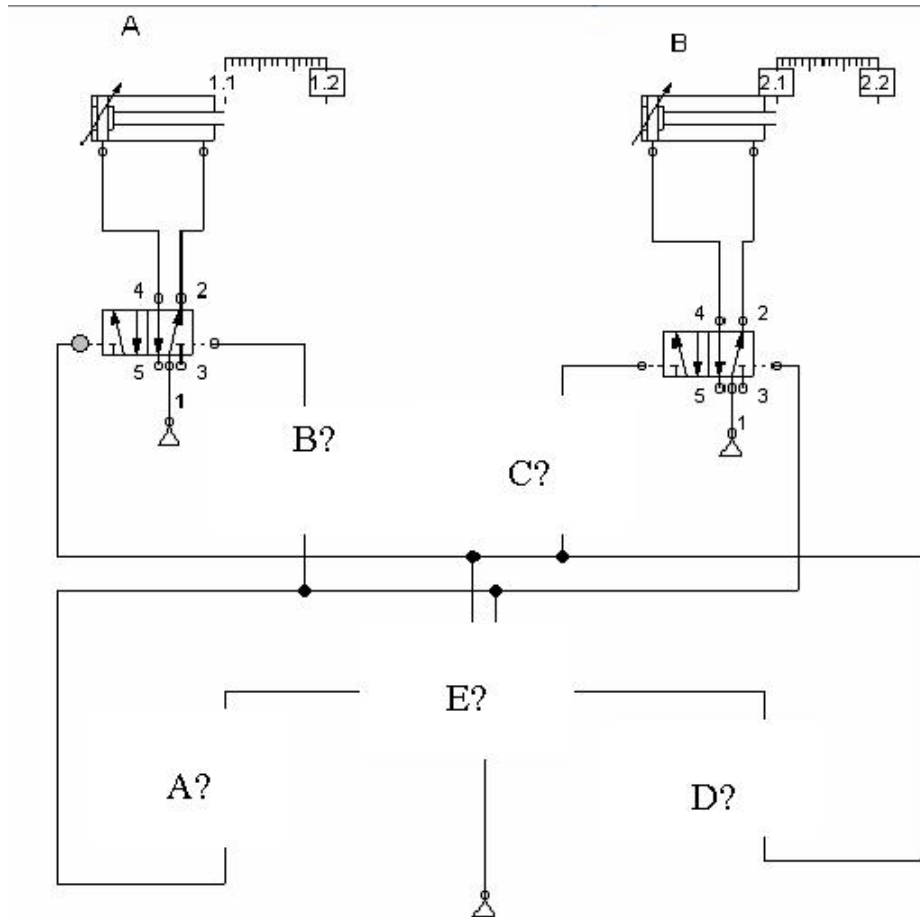
Câu 103: E?

-  A. Rẽ le thời gian thông đóng.
- B. Rẽ le thời gian thông mở.
- C. Van OR
- D. Van AND

Mô tả sau đây dành cho 5 câu hỏi tiếp.

Cho mạch khí nén điều khiển theo từng : $A+B+B-A-$.

Hoàn thành sơ đồ mạch. Biết hành trình tối đa của các xy lanh là 100 mm



Câu 104: A?

- A. Công tắc hành trình 2.2
- B. Công tắc hành trình 1.1
- C. Công tắc hành trình 1.2
- ☒ D. Nút nh ấn 3/2 thông đóng

Câu 105: B?

- A. Công tắc hành trình 2.2
- B. Công tắc hành trình 1.1
- C. Công tắc hành trình 1.2
- ☒ D. Công tắc hành trình 2.1

Câu 106: C?

- A. Công tắc hành trình 2.2
- B. Công tắc hành trình 1.1
- ☒ C. Công tắc hành trình 1.2
- D. Công tắc hành trình 2.1

Câu 107: D?

- ☒ A. Công tắc hành trình 2.2
- B. Công tắc hành trình 1.1

- C. Công tắc hành trình 1.2
- D. Công tắc hành trình 2.1

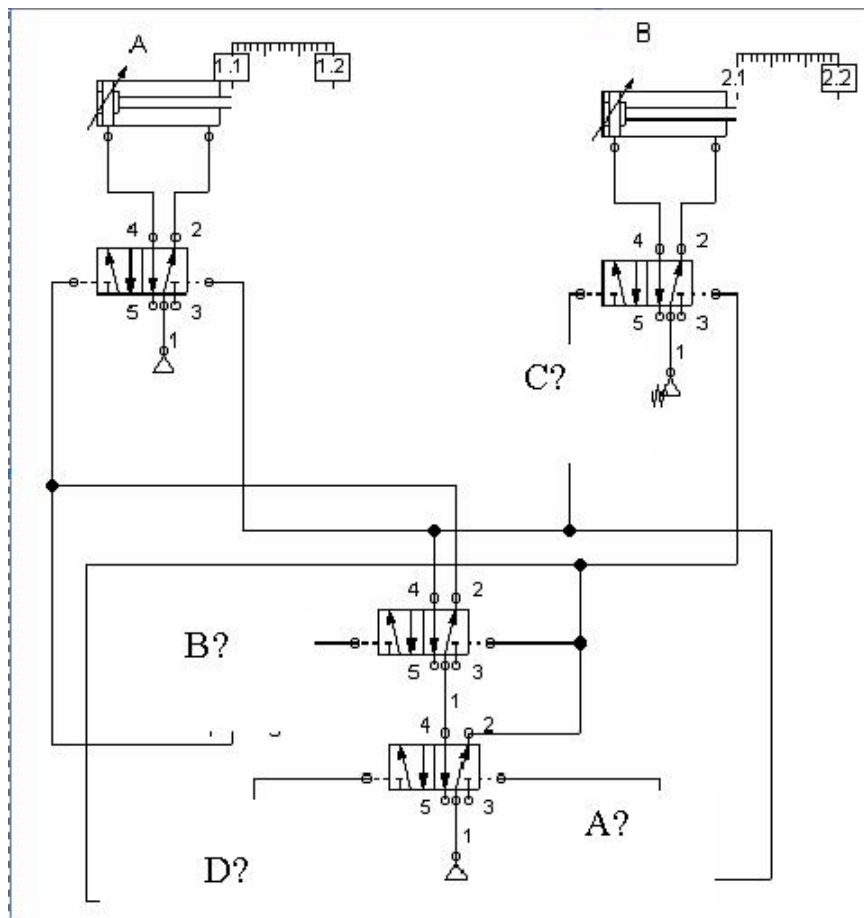
Câu 108: E?



- A. Van đảo chiều 5/2 duy trì.
- B. Van đảo chiều 5/2 không duy trì.
- C. Van đảo chiều 3/2 duy trì.
- D. Van đảo chiều 3/2 không duy trì.

Mô tả sau đây dành cho 5 câu hỏi tiếp.

Cho mạch khí nén điều khiển theo từng : A+A-B+B-
Hoàn thành sơ đồ mạch.



Câu 109: D?

- A. Công tắc hành trình 2.2
- B. Công tắc hành trình 1.1
- C. Công tắc hành trình 1.2
- D. Nút nhấn 3/2 thường đóng



Câu 110: B?

- A. Nút nhấn 3/2 thường đóng.
- B. Công tắc hành trình 1.1
- C. Công tắc hành trình 1.2



D. Công tắc hành trình 2.1

Câu 111: C?

A. Công tắc hành trình 2.2



B. Công tắc hành trình 1.1

C. Nút nhấn 3/2 thông đóng

D. Công tắc hành trình 2.1

Câu 112: A?



A. Công tắc hành trình 2.2

B. Công tắc hành trình 1.1

C. Công tắc hành trình 1.2

D. Van AND

Câu 113: Mạch điều khiển máy tống?

A. 2



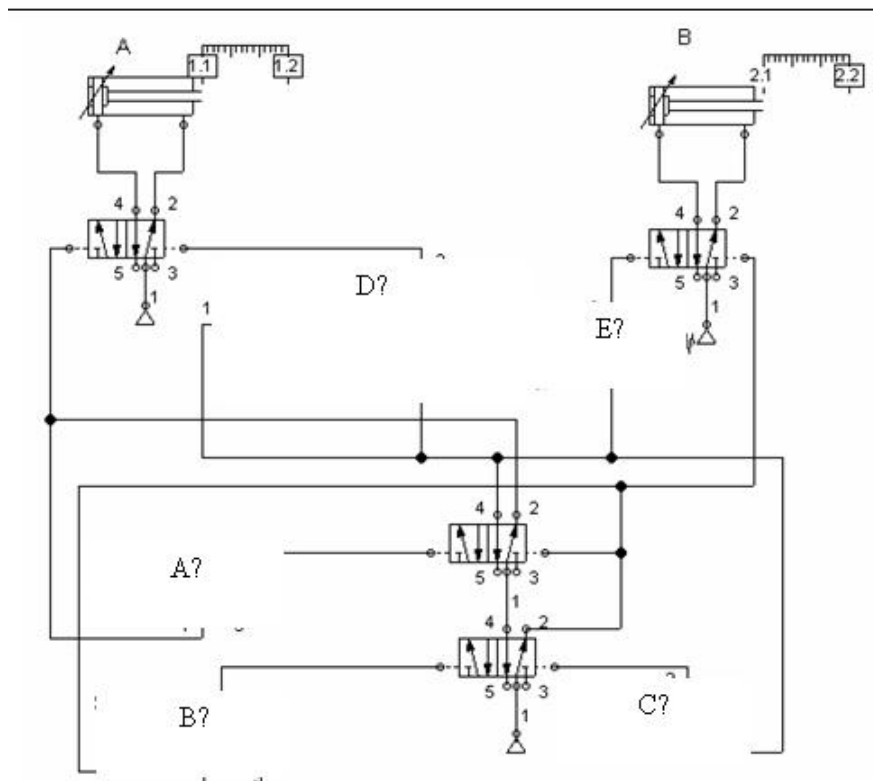
B. 3

C. 4

D. 1

Mô tả sau đây dành cho 5 câu hỏi kế tiếp.

Cho mạch khí nén điều khiển theo từng: A+ ____ A-B+B-
Hoàn thành sơ đồ mạch



Câu 114: A?

A. Công tắc hành trình 1.1

B. Công tắc hành trình 1.2



- C. Công tắc hành trình 2.1
- D. Công tắc hành trình 2.2

Câu 115: B?

- A. Công tắc hành trình 1.1
- B. Van AND
- C. Van OR



- D. Nút nh ấn 3/2 thông đóng

Câu 116: C?



- A. Công tắc hành trình 2.2
- B. Công tắc hành trình 1.1
- C. Van AND
- D. Van OR

Câu 117: D?

- A. Công tắc hành trình 1.2
- B. Van OR



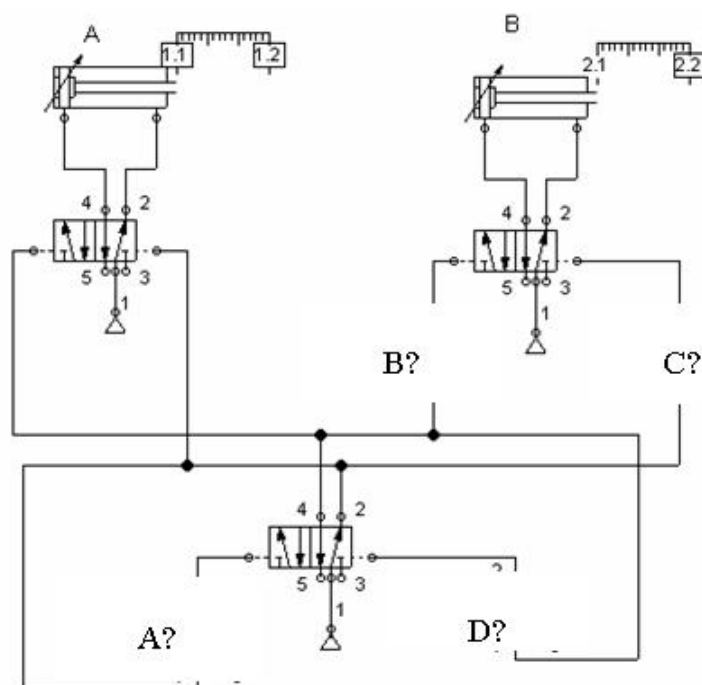
- C. Rò le thời gian thông đóng
- D. Rò le thời gian thông mở

Câu 118: E?



- A. Công tắc hành trình 1.1
- B. Công tắc hành trình 2.1
- C. Van AND
- D. Van OR

Mô tả sau đây dành cho 5 câu hỏi kế tiếp.
Cho mạch khí nén điều khiển theo từng : A+B+A-B-
Hoàn thành sơ đồ mạch



Câu 119: A?

- ☒ A. Nút nh ấn 3/2 thông đóng
- ☐ B. Nút nh ấn 3/2 thông mở
- ☐ C. Nút nh ấn gài 3/2 thông đóng
- ☐ D. Nút nh ấn gài 3/2 thông mở

Câu 120: B?

- ☒ A. Công tắc hành trình 1.1
- ☒ B. Công tắc hành trình 1.2
- ☐ C. Rơ le thời gian thông mở.
- ☐ D. Công tắc hành trình 2.2

Câu 121: C?

- ☒ A. Công tắc hành trình 1.1
- ☐ B. Công tắc hành trình 1.2
- ☐ C. Công tắc hành trình 2.1
- ☐ D. van thoát nhanh

Câu 122: D?

- ☐ A. Công tắc hành trình 1.1
- ☐ B. Công tắc hành trình 2.1
- ☒ C. Công tắc hành trình 2.2
- ☐ D. Van tiết lưu một chiều

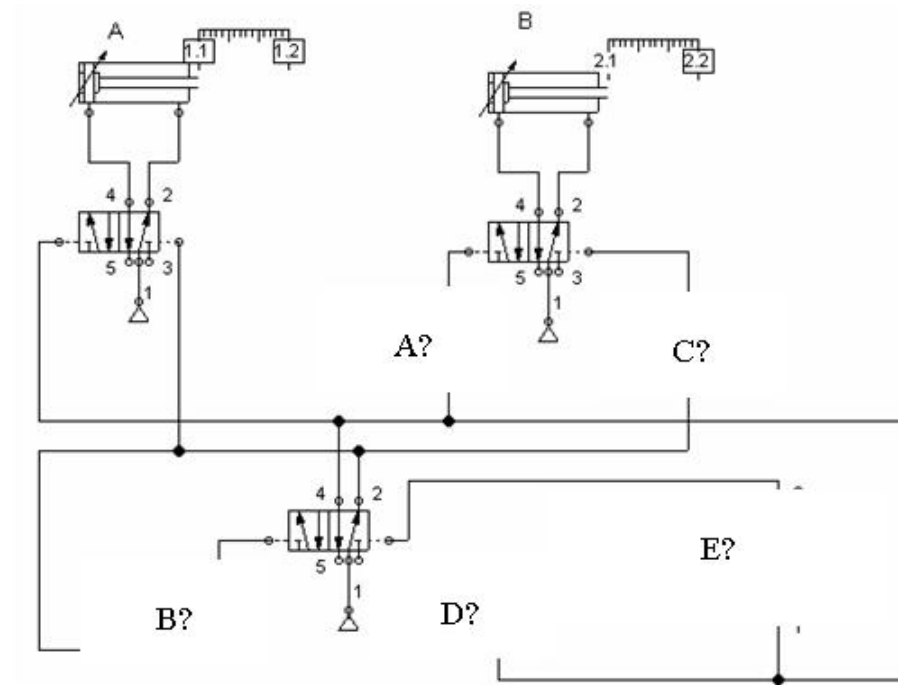
Câu 123: Tín hiệu đảo tổng e2 lấy từ ?

- ☐ A. Công tắc hành trình 1.1

- B. Công tắc hành trình 2.1
- ☒ C. Công tắc hành trình 2.2
- D. Nút nhấn Start

Mô tả sau đây dành cho 5 câu hỏi tiếp.

Cho mạch khí nén điều khiển theo từng : A+B+___A-B-
Hoàn thành sơ đồ mạch.



Câu 124: A?

- ☒ A. Công tắc hành trình 1.2
- B. Công tắc hành trình 2.2
- C. Công tắc hành trình 2.1
- D. Van áp suất

Câu 125: B?

- ☒ A. Nút nhấn 3/2 thông đóng
- B. Công tắc hành trình 1.2
- C. Công tắc hành trình 2.2
- D. Van áp suất

Câu 126: C?

- A. Công tắc hành trình 1.2
- ☒ B. Công tắc hành trình 1.1
- C. Công tắc hành trình 2.2
- D. Nút nhấn 3/2 thông đóng

Câu 127: D?

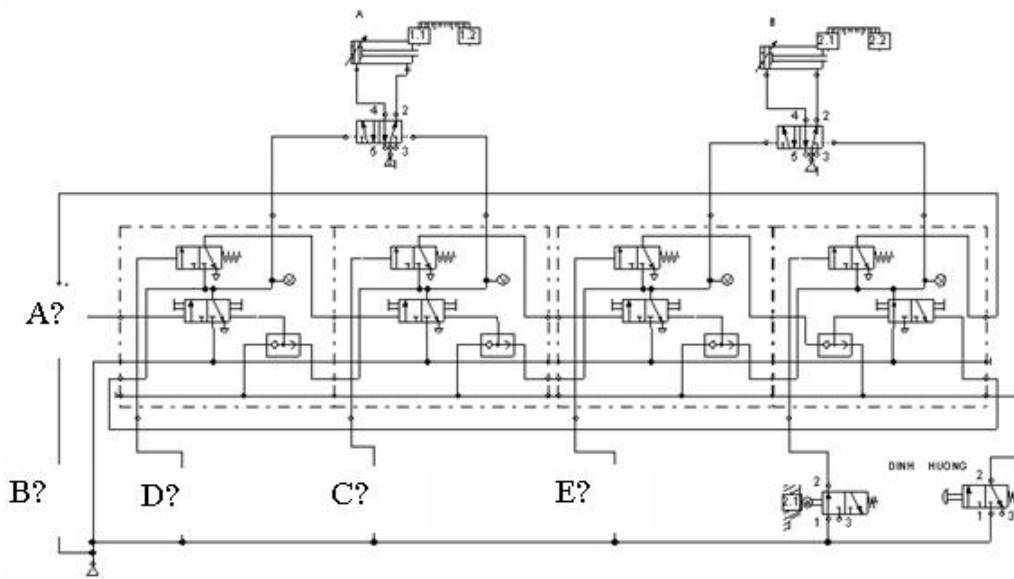
- A. Công tắc hành trình 1.2
- B. Công tắc hành trình 1.1

- ☒ C. Công tắc hành trình 2.2
- ☐ D. Van tiết lưu 2 chiều

Câu 128: E?

- ☐ A. Rò le áp suất
- ☒ B. Rò le thời gian thông đóng
- ☐ C. Rò le thời gian thông mở
- ☐ D. Van áp suất

Mô tả sau đây dành cho 5 câu hỏi kế tiếp.
 Cho mạch khí nén điều khiển theo nhịp : A+A-B+B-
 Hoàn thành sơ đồ mạch



Câu 129: A?

- ☒ A. Van AND
- ☐ B. Van OR
- ☐ C. Nút nhấn 3/2 thông đóng
- ☐ D. Van tiết lưu

Câu 130: B?

- ☐ A. Van AND
- ☐ B. Van OR
- ☐ C. Van tiết lưu
- ☒ D. Nút nhấn 3/2 thông đóng.

Câu 131: C?

- ☐ A. Công tắc hành trình 2.2
- ☐ B. Van AND
- ☐ C. Công tắc hành trình 1.2
- ☒ D. Công tắc hành trình 1.1

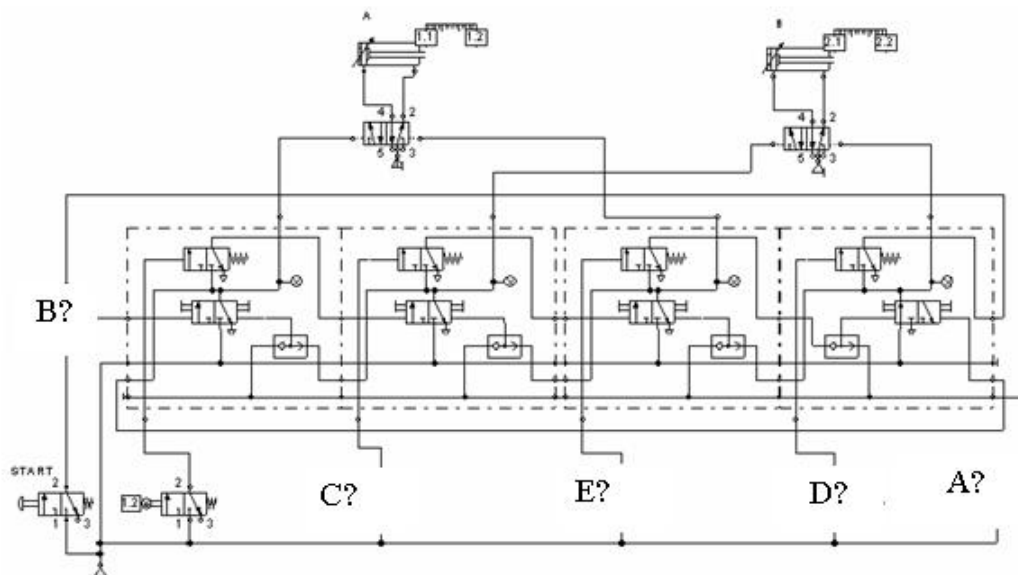
Câu 132: D?

- ☒ A. Công tắc hành trình 1.2
- B. Công tắc hành trình 1.1
- C. Công tắc hành trình 2.2
- D. Van AND

Câu 133: E?

- A. Công tắc hành trình 1.1
- B. Công tắc hành trình 1.2
- ☒ C. Công tắc hành trình 2.2
- D. Van AND

Mô tả sau đây dành cho 5 câu hỏi tiếp.
Cho mạch khí nén điều khiển theo nhịp : A+B+A-B-
Hoàn thành sơ đồ mạch



Câu 134: A?

- ☒ A. Nút nhấn 3/2 thông đóng
- B. Nút nhấn 3/2 thông mở
- C. Công tắc hành trình 1.2
- D. Công tắc hành trình 2.2

Câu 135: B?

- ☒ A. Van AND
- B. Van OR
- C. Van áp suất
- D. Van thoát nhanh

Câu 136: C?

- A. Công tắc hành trình 1.2
- ☒ B. Công tắc hành trình 2.2



- C. Công tắc hành trình 1.1
- D. Van 3/2 duy trì

Câu 137: D?

- A. Công tắc hành trình 1.2
- B. Công tắc hành trình 2.2



- C. Công tắc hành trình 2.1
- D. Van 3/2 duy trì

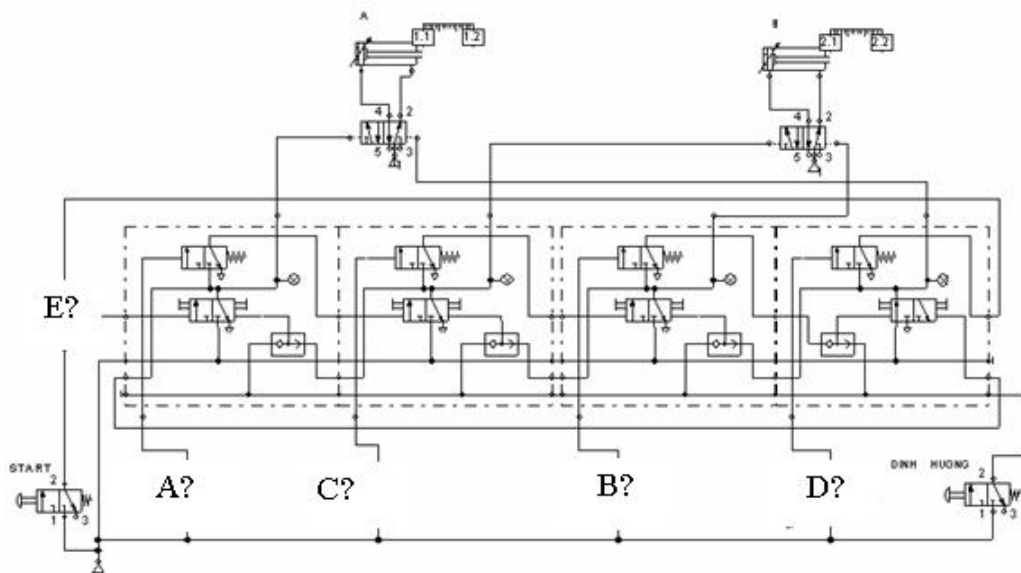
Câu 138: E?

- A. Công tắc hành trình 1.2
- B. Công tắc hành trình 1.1
- C. Công tắc hành trình 2.2
- D. Van 3/2 duy trì



Mô tả sau đây dành cho 5 câu hỏi kế tiếp.

Cho mạch khí nén điều khiển theo nhịp : A+B+B-A-
Hoàn thành sơ đồ mạch.



Câu 139: A?



- A. Công tắc hành trình 1.2
- B. Công tắc hành trình 2.2
- C. Công tắc hành trình 1.1
- D. Van AND

Câu 140: B?

- A. Công tắc hành trình 1.2
- B. Công tắc hành trình 2.2



- C. Công tắc hành trình 2.1

D. Van OR

Câu 141: C?

- ☒ A. Công tắc hành trình 2.2
- B. Công tắc hành trình 2.1
- C. Công tắc hành trình 1.2
- D. Van OR

Câu 142: D?

- A. Công tắc hành trình 2.2
- B. Công tắc hành trình 1.2
- ☒ C. Công tắc hành trình 1.1
- D. Van 3/2 duy trì

Câu 143: E?

- A. Công tắc hành trình 2.2
- B. Công tắc hành trình 2.1
- C. Công tắc hành trình 1.2
- ☒ D. Van AND

Câu 144: Kí hiệu này là :



- ☒ A. Nút nhấn thông mở.
- B. Nút nhấn thông đóng.
- C. Nút nhấn gài thông mở.
- D. Nút nhấn gài thông đóng

Câu 145: Kí hiệu này là :



- A. Nút nhấn thông mở.
- ☒ B. Nút nhấn thông đóng.
- C. Nút nhấn gài thông mở.
- D. Nút nhấn gài thông đóng

Câu 146: Kí hiệu này là :



- A. Nút nhấn thông mở.
- B. Nút nhấn thông đóng.
- ☒ C. Nút nhấn gài thông mở.

D. Nút nhả gài thông đóng

Câu 147: Kí hiệu này là :



A. Nút nhả thông mở.

B. Nút nhả thông đóng.

C. Nút nhả gài thông mở.

☒ D. Nút nhả gài thông đóng

Câu 148: Kí hiệu này là :



☒ A. Công tắc hành trình thông mở.

B. Công tắc hành trình thông đóng

C. Tiếp điểm rơle trung gian.

D. Công tắc hành trình thông mở đang tác động.

Câu 149: Kí hiệu này là :

a. b.



A. Công tắc hành trình thông mở.

☒ B. Công tắc hành trình thông đóng

C. Tiếp điểm rơle trung gian.

D. Công tắc hành trình thông đóng đang tác động.

Câu 150: Kí hiệu này là :



☒ A. Cuộn dây ONDELAY

B. Cuộn dây OFFDELAY

C. Cuộn dây van điện từ

D. Cuộn dây rơle trung gian

Câu 151: Kí hiệu này là :



A. Cuộn dây ONDELAY

☒ B. Cuộn dây OFFDELAY

C. Cuộn dây van điện từ

D. Cuộn dây rơle trung gian

Câu 152: Kí hiệu này là :



A. Cuộn dây ONDELAY

B. Cuộn dây OFFDELAY

C. Cuộn dây van điện từ



D. Cuộn dây rơle trung gian

Câu 153: Kí hiệu này là :



A. Cuộn dây ONDELAY

B. Cuộn dây OFFDELAY

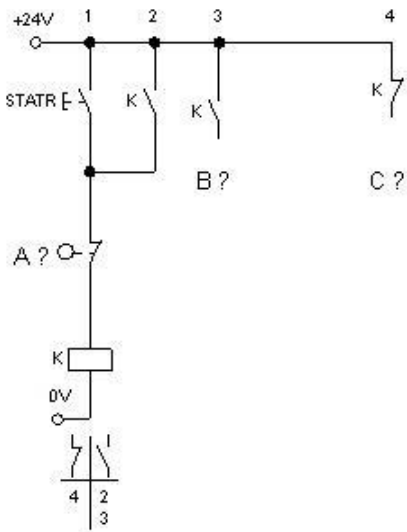


C. Cuộn dây van điện từ

D. Cuộn dây rơle trung gian

Mô tả sau đây dành cho 5 câu hỏi tiếp.

Cho mạch điều khiển điện khí nén, với e1 tín hiệu điều khiển 1, e2 tín hiệu điều khiển 2, T1 tầng 1, T2 tầng 2...



Câu 154: A?

A. e1



B. e2

C. T1

D. T2

Câu 155: B ?

A. e1

C. e1

D. T3

Câu 160: B ?



A. e2

B. e3

C. e1

D. T2

Câu 161: C ?

A. T1



B. T2

C. T3

D. e2

Câu 162: D ?



A. T1

B. T2

C. T3

D. e2

Câu 163: E ?

A. T1

B. T2

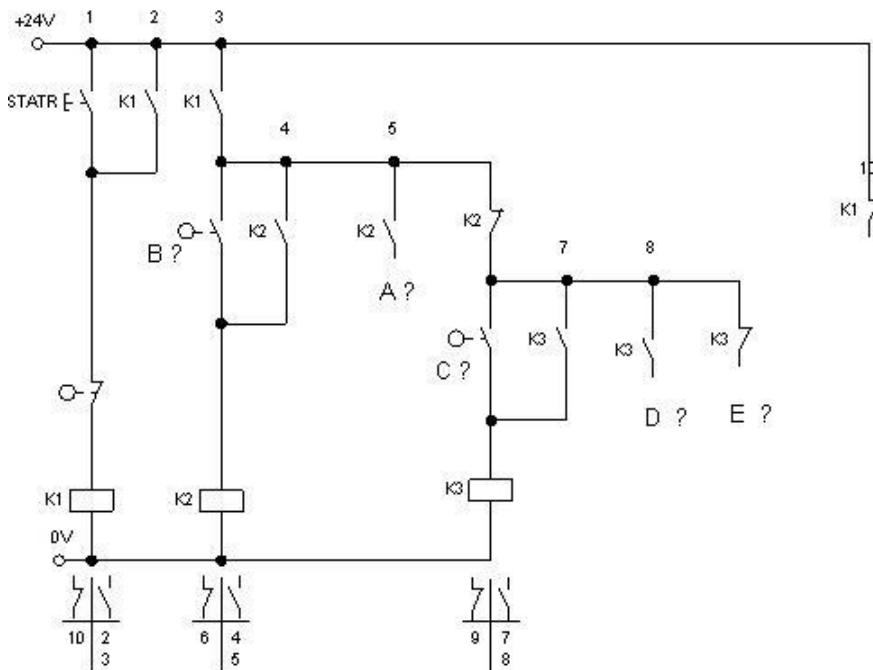


C. T3

D. T4

Mô tả sau đây dành cho 5 câu hỏi tiếp.

Cho mạch dao động điện khí nén, với e1 tín hiệu dao động 1, T1 nguồn tổng 1



Câu 164: A ?

- A. T1
- B. T2
- C. T3
- D. e2



Câu 165: B ?

- A. e2
- B. e3
- C. T2
- D. T3



Câu 166: C ?

- A. e2
- B. e3
- C. T2
- D. T3



Câu 167: D ?

- A. T2
- B. T3
- C. e2
- D. e3



Câu 168: E ?

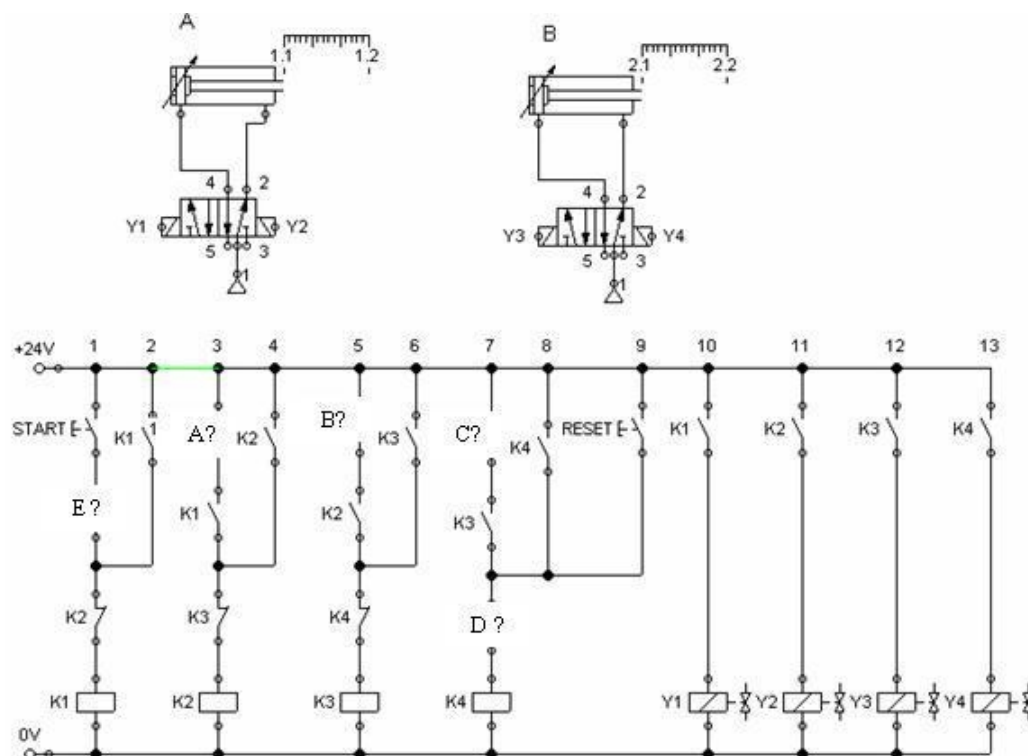
- A. Tòng T1
- B. T2
- C. T3



D. T4

Mô tả sau đây dành cho 5 câu hỏi tiếp.

Cho mạch điện khí nén hoạt động theo nhịp nháy sau A+A-B+B-



Câu 169: A ?

- A. Công tắc ht 1.1
- ☒ B. Công tắc ht 1.2
- C. Công tắc ht 2.1
- D. Công tắc ht 2.2

Câu 170: B ?

- ☒ A. Công tắc ht 1.1
- B. Công tắc ht 1.2
- C. Công tắc ht 2.1
- D. Công tắc ht 2.2

Câu 171: C ?

- A. Công tắc ht 1.1
- B. Công tắc ht 1.2
- C. Công tắc ht 2.1
- ☒ D. Công tắc ht 2.2

Câu 172: D ?

- ☒ A. Tiếp điểm thường đóng K1
- B. Tiếp điểm thường đóng K3
- C. Tiếp điểm thường đóng K5

D. Tiếp điểm thông đóng K4

Câu 173: E ?

A. Tiếp điểm thông mở K1

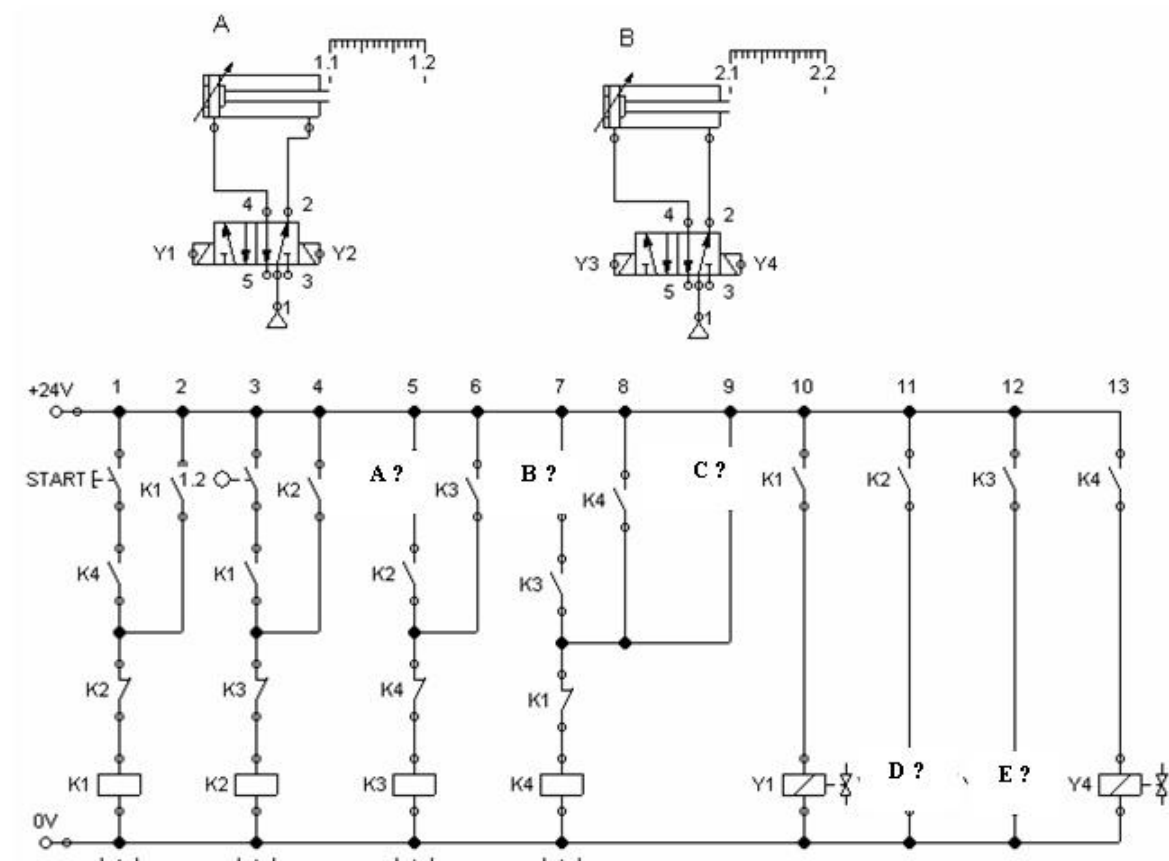
B. Tiếp điểm thông mở K3

☒ C. Tiếp điểm thông mở K4

D. Tiếp điểm thông mở K5

Mô tả sau đây dành cho 5 câu hỏi kế tiếp.

Cho mạch điện khí nén dưới đây theo nhịp: A+B+A-B-



Câu 174: A ?

☒ A. Công tắc hành trình 2.2

B. Công tắc hành trình 2.1

C. Công tắc hành trình 1.2

D. Công tắc hành trình 1.1

Câu 175: B ?

☒ A. Công tắc hành trình 1.1

B. Công tắc hành trình 1.2

C. Công tắc hành trình 2.1

D. Công tắc hành trình 2.2

Câu 176: C ?

- A. Công tắc hành trình 2.1
- ☒ B. Nút nhấn thông minh mô Reset
- C. Tiếp điểm thông minh mô K1
- D. Quên dây Y1

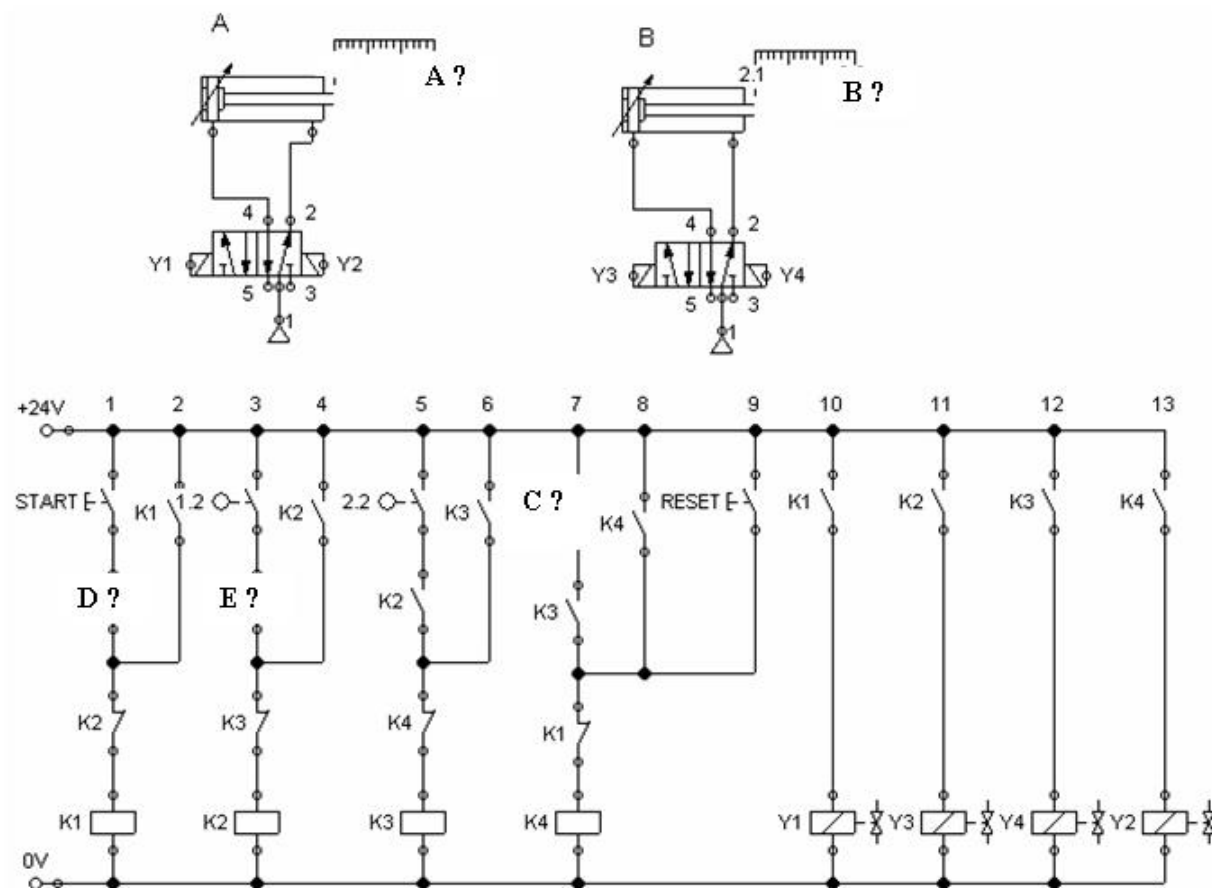
Câu 177: D ?

- ☒ A. Quên dây điều khiển Y3
- B. Quên dây điều khiển Y2
- C. Quên dây role K5
- D. Quên dây role K6

Câu 178: E ?

- A. Quên dây điều khiển Y3
- ☒ B. Quên dây điều khiển Y2
- C. Quên dây role K5
- D. Quên dây role K6

Mô tả sau đây dành cho 5 câu hỏi kế tiếp.
Cho mạch điện khí nén điều khiển theo nhịp. A+B+B-A-



Câu 179: A ?

- ☒ A. Vị trí Công tắc hành trình 1.2
- B. Vị trí Công tắc hành trình 1.1

C. Vị trí Công tắc hành trình 2.2

D. Vị trí Công tắc hành trình 2.1

Câu 180: B ?

A. Vị trí Công tắc ht 1.2

 B. Vị trí Công tắc hành trình 2.2

C. Vị trí Công tắc hành trình 1.1

D. Vị trí Công tắc hành trình 2.1

Câu 181: C ?

A. Công tắc hành trình 1.2

B. Công tắc hành trình 1.1

C. Công tắc hành trình 2.2

 D. Công tắc hành trình 2.1

Câu 182: D ?

A. Tiếp điểm thông mở K1

 B. Tiếp điểm thông mở K4

C. Tiếp điểm thông đóng K1

D. Tiếp điểm thông đóng K4

Câu 183: E ?

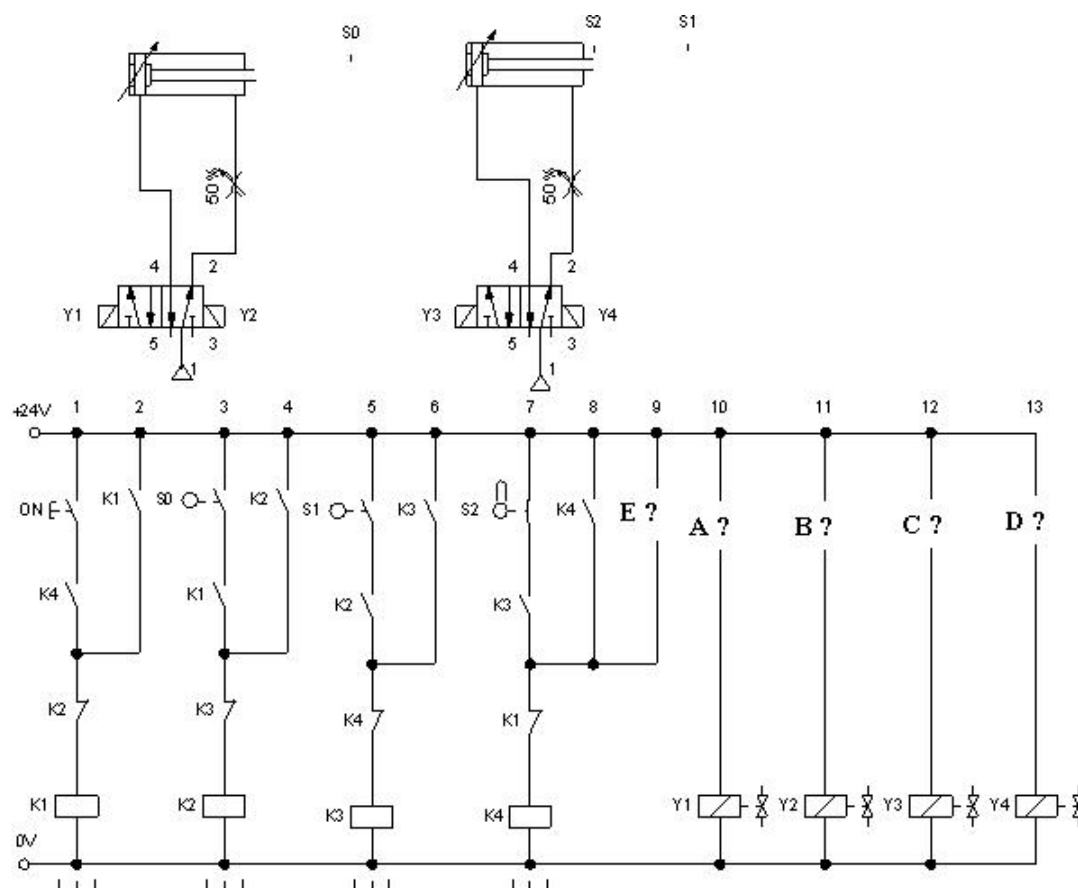
 A. Tiếp điểm thông mở K1

B. Tiếp điểm thông mở K2

C. Tiếp điểm thông đóng K1

D. Tiếp điểm thông đóng K2

Mô tả sau đây dành cho 5 câu hỏi kế tiếp.
Cho mạch điện khí nén điều khiển theo nhịp. A+B+B-A-



Câu 184: A ?



- A. Tiếp điểm thông mở K1
- B. Tiếp điểm thông mở K2
- C. Tiếp điểm thông mở K3
- D. Tiếp điểm thông mở K4

Câu 185: B ?



- A. Tiếp điểm thông mở K1
- B. Tiếp điểm thông mở K2
- C. Tiếp điểm thông mở K3
- D. Tiếp điểm thông mở K4

Câu 186: C ?



- A. Tiếp điểm thông mở K1
- B. Tiếp điểm thông mở K2
- C. Tiếp điểm thông mở K3
- D. Tiếp điểm thông mở K4

Câu 187: D ?



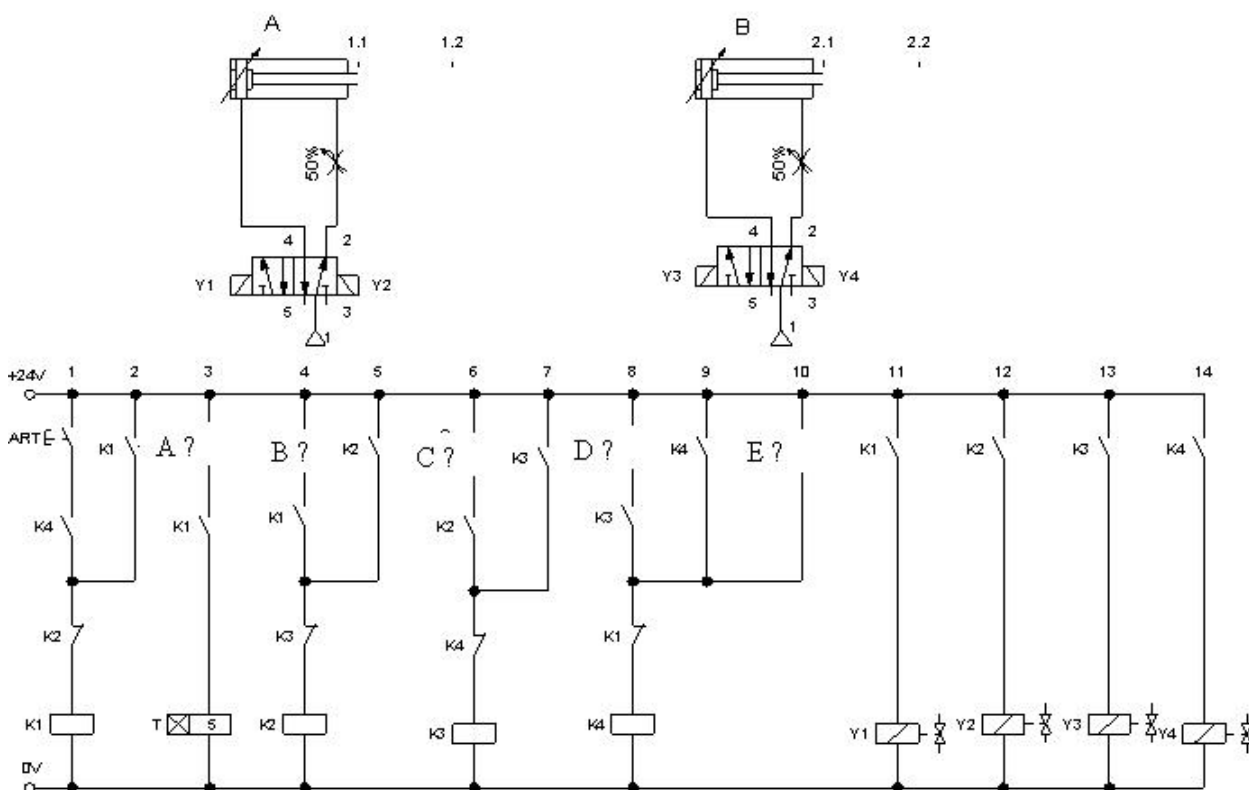
- A. Tiếp điểm thông mở K1
- B. Tiếp điểm thông mở K2
- C. Tiếp điểm thông mở K3
- D. Tiếp điểm thông mở K4

Câu 188: E ?

- A. Tiếp điểm thông mở K4
- B. Tiếp điểm thông đóng K4
- ☒ C. Nút nhấn thông mở SET
- D. Nút nhấn thông đóng SET

Mô tả sau đây dành cho 5 câu hỏi kế tiếp.

Cho mạch điện khí nén điều khiển theo nhịp: A+ ___ A-B+B-



Câu 189: A ?

- ☒ A. Công tắc hành trình 1.2
- B. Công tắc hành trình 2.2
- C. Công tắc hành trình 1.1
- D. Tiếp điểm T

Câu 190: B ?

- A. Công tắc hành trình 1.2
- B. Công tắc hành trình 2.2
- C. Công tắc hành trình 1.1
- ☒ D. Tiếp điểm T

Câu 191: C ?

- A. Công tắc hành trình 1.2
- B. Công tắc hành trình 2.2
- C. Công tắc hành trình 1.1
- ☒ D. Tiếp điểm T



D. Tiếp điểm T

Câu 192: D ?

A. Công tắc hành trình 1.2



B. Công tắc hành trình 2.2

C. Công tắc hành trình 1.1

D. Tiếp điểm T

Câu 193: E ?

A. Công tắc hành trình 1.2

B. Công tắc hành trình 2.2

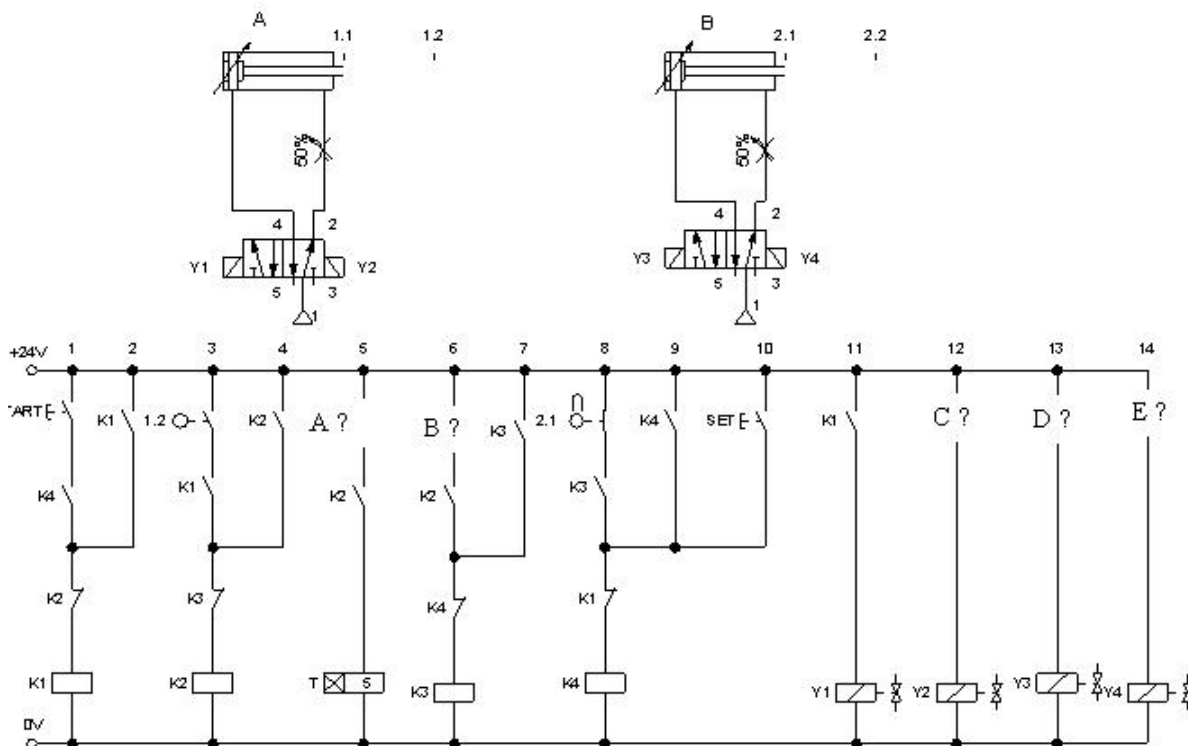
C. Nút nhấn START



D. Nút nhấn SET

Mô tả sau đây dành cho 5 câu hỏi tiếp.

Cho mạch điện khí nén điều khiển theo nhịp : A+B+ ____ B-A-



Câu 194: A ?

A. Công tắc hành trình 1.1



B. Công tắc hành trình 2.2

C. Tiếp điểm T

D. Tiếp điểm K1

Câu 195: B ?

A. Công tắc hành trình 2.2

B. Tiếp điểm K2

- ☒ C. Tiếp điểm T
D. Tiếp điểm K1

Câu 196: C ?

- ☒ A. Tiếp điểm K4
B. Tiếp điểm T
C. Tiếp điểm K2
D. Tiếp điểm K3

Câu 197: D ?

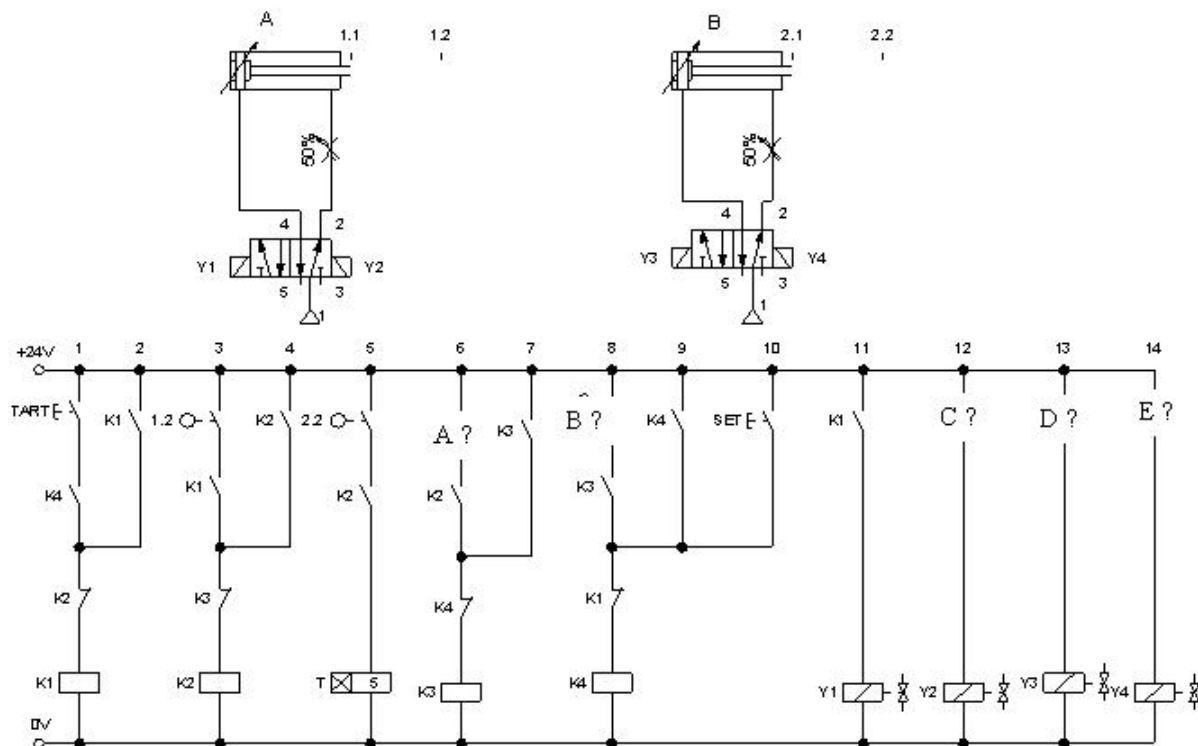
- A. Tiếp điểm T
☒ B. Tiếp điểm K2
C. Tiếp điểm K3
D. Tiếp điểm K4

Câu 198: E ?

- A. Tiếp điểm T
B. Tiếp điểm K2
☒ C. Tiếp điểm K3
D. Tiếp điểm K4

Mô tả sau đây dành cho 5 câu hỏi kế tiếp.

Cho mạch điện khí nén dưới đây khi khởi động theo nhịp : A+B+...A-B-



Câu 199: A ?

- A. Công tắc hành trình 1.1

B. Công tác hành trình 2.1



C. Tiếp điểm T

D. Tiếp điểm K2

Câu 200: B ?

A. Tiếp điểm T

B. Tiếp điểm K3



C. Công tác hành trình 1.1

D. Công tác hành trình 2.1

Câu 201: C ?

A. Tiếp điểm role K4

B. Tiếp điểm K2



C. Tiếp điểm K3

D. Tiếp điểm T

Câu 202: D ?

A. Tiếp điểm role K3

B. Tiếp điểm K4



C. Tiếp điểm K2

D. Tiếp điểm T

Câu 203: E ?

A. Tiếp điểm role K3

B. Tiếp điểm K2

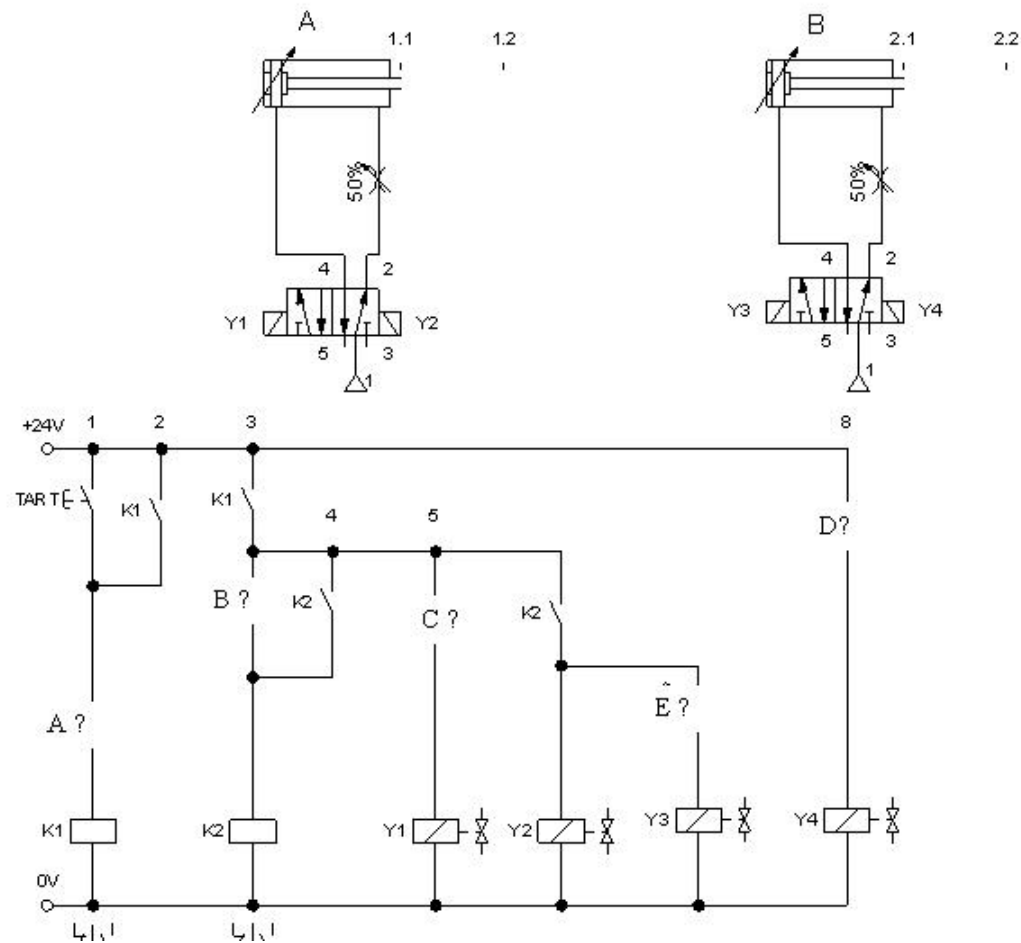


C. Tiếp điểm K4

D. Tiếp điểm T

Mô tả sau đây dành cho 5 câu hỏi kế tiếp.

Cho mạch điện khí nén điều khiển theo trình tự : A+A-B+B-



Câu 204: A ?

- A. Công tắc hành trình 1.1
- B. Công tắc hành trình 1.2
- C. Công tắc hành trình 2.1
- ☒ D. Công tắc hành trình 2.2

Câu 205: B ?

- A. Tiếp điểm K1 thông đóng
- ☒ B. Công tắc hành trình 1.2
- C. Công tắc hành trình 1.1
- D. Công tắc hành trình 2.2

Câu 206: C ?

- A. Công tắc hành trình 1.2
- B. Công tắc hành trình 2.1
- C. Tiếp điểm K1 thông mở
- ☒ D. Tiếp điểm K2 thông đóng

Câu 207: D ?

- ☒ A. Tiếp điểm K1 thông đóng
- B. Tiếp điểm K2 thông mở

- C. Công tắc hành trình 1.2
- D. Công tắc hành trình 1.1

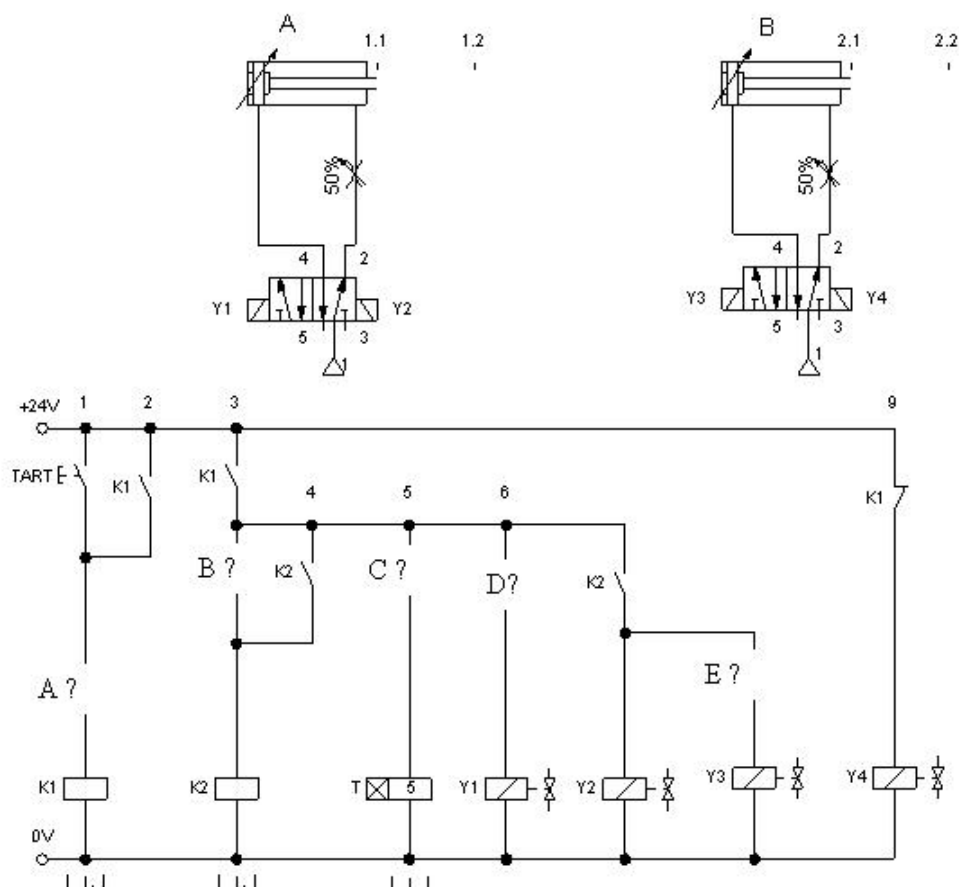
Câu 208: E ?



- A. Công tắc hành trình 1.1
- B. Công tắc hành trình 1.2
- C. Tiếp điểm K1 thông mở
- D. Tiếp điểm K2 thông mở

Mô tả sau đây dành cho 5 câu hỏi kế tiếp.

Cho mạch điện khí nén điều khiển theo trình : A+ _____ A-B+B-



Câu 209: A ?



- A. Công tắc hành trình 2.2
- B. Tiếp điểm thông đóng K2
- C. Công tắc hành trình 1.2
- D. Công tắc hành trình 1.1

Câu 210: B ?

- A. Công tắc hành trình 1.2
- B. Công tắc hành trình 2.2
- C. Công tắc hành trình 1.1



- D. Tiếp điểm timer T

A. Công tác hành trình 2.2



C. Công tác hành trình 1.1

D. Tiệp điểm K2

A. Công ṭc hành tṛnh 2.2

B. Công tác hành trình 1.2

C. Công tác hành trình 1.1



D. Tiệp điểm K2 thường đóng

A. Công ṭc hành tṛnh 2.2

B. Công tác hành trình 1.2

ABC ✓

C. Công tác hành trình 1.1

D. Ti p đ m K1 th ng m

Cho m¹ch đi¹n khí nén đi¹u khi¹n theo t¹ng : A+A-_____B+B-



A. Công tác hành trình S1

ABC ✓

B. Công tác hành trình S3

- C. Tiếp điểm T
- D. Tiếp điểm K2

Câu 215: B ?



- A. Công tắc hành trình S1
- B. Công tắc hành trình S3
- C. Tiếp điểm T
- D. Tiếp điểm K2

Câu 216: C ?



- A. Công tắc hành trình S1
- B. Tiếp điểm K2 thông đóng
- C. Tiếp điểm K2 thông mở
- D. Tiếp điểm T

Câu 217: D ?



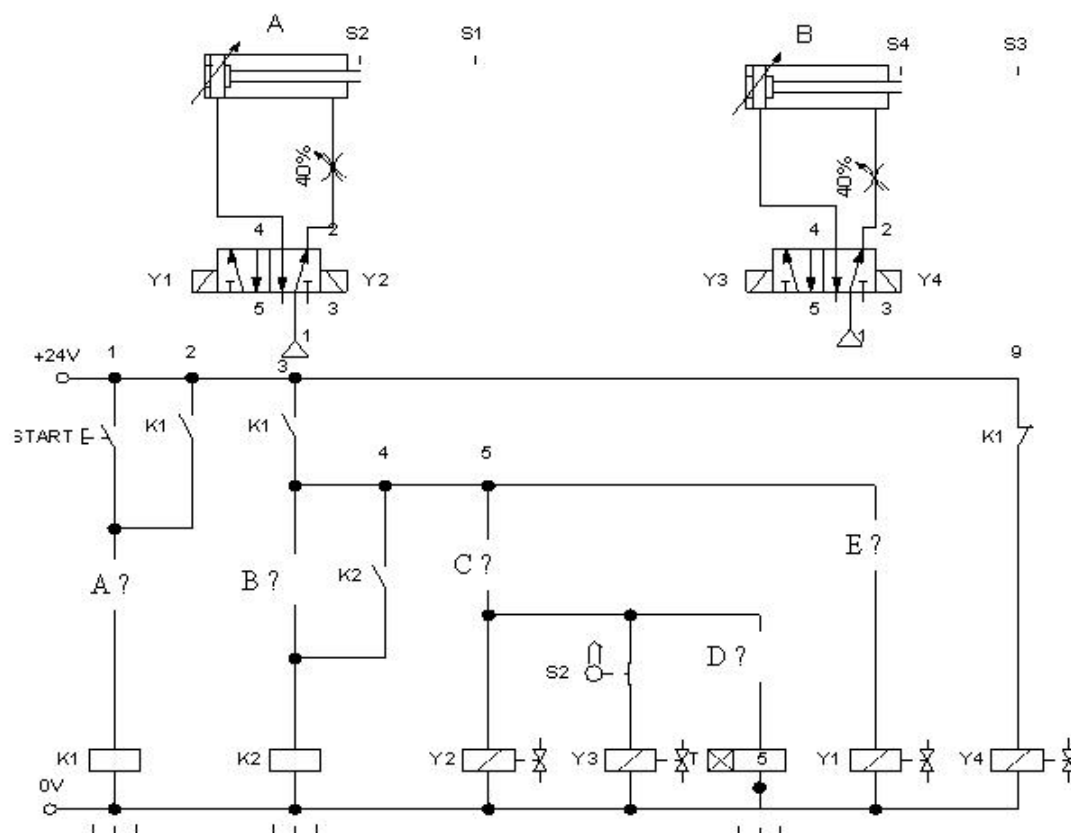
- A. Tiếp điểm K2 thông đóng
- B. Tiếp điểm K2 thông mở
- C. Tiếp điểm T
- D. Công tắc hành trình S1

Câu 218: E ?



- A. Tiếp điểm K2 thông đóng
- B. Tiếp điểm K2 thông mở
- C. Tiếp điểm T
- D. Công tắc hành trình S1

Mô tả sau đây dành cho 5 câu hỏi tiếp.
Cho mạch điện khí nén điều khiển theo trình : A+A-B+_____B-



Câu 219: A ?

- A. Công tắc hành trình S2
- B. Công tắc hành trình S1
- ☒ C. Tiếp điểm T
- D. Tiếp điểm K2 thông đóng

Câu 220: B ?

- A. Công tắc hành trình S2
- ☒ B. Công tắc hành trình S1
- C. Tiếp điểm T
- D. Tiếp điểm K2 thông mở

Câu 221: C ?

- A. Tiếp điểm K2 thông đóng
- B. Công tắc hành trình S2
- C. Tiếp điểm T
- ☒ D. Tiếp điểm K2 thông mở

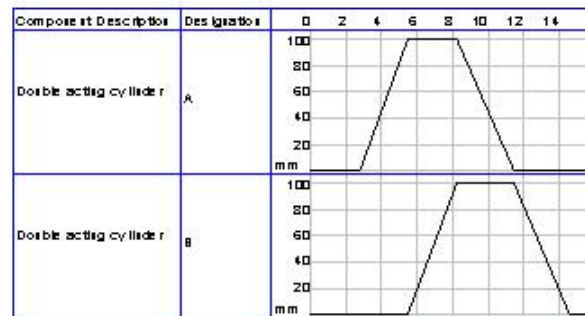
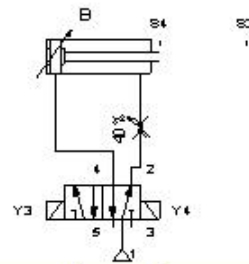
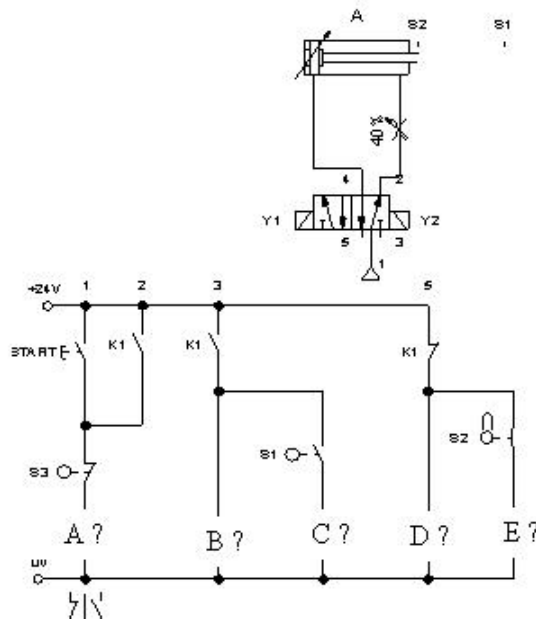
Câu 222: D ?

- A. Tiếp điểm K2 thông mở
- B. Tiếp điểm K2 thông đóng
- C. Tiếp điểm T
- ☒ D. Công tắc hành trình S3

Câu 223: E ?

- A. Tiếp điểm K2 thông mở
- ☒ B. Tiếp điểm K2 thông đóng
- C. Tiếp điểm T
- D. Công tắc hành trình S3

Mô tả sau đây dành cho 5 câu hỏi tiếp.
Cho mạch điện khí nén điều khiển theo từng.



Câu 224: A ?

- ☒ A. Role trung gian K1
- B. Cuộn dây điều khiển Y1
- C. Cuộn dây điều khiển Y2
- D. Cuộn dây điều khiển Y3

Câu 225: B ?

- ☒ A. Cuộn dây điều khiển Y1
- B. Cuộn dây điều khiển Y2
- C. Cuộn dây điều khiển Y3
- D. Cuộn dây điều khiển Y4

Câu 226: C ?

- A. Cuộn dây điều khiển Y1
- B. Cuộn dây điều khiển Y2
- ☒ C. Cuộn dây điều khiển Y3
- D. Cuộn dây điều khiển Y4

Câu 227: D ?

- A. Cuộn dây điều khiển Y1
- B. Cuộn dây điều khiển Y2



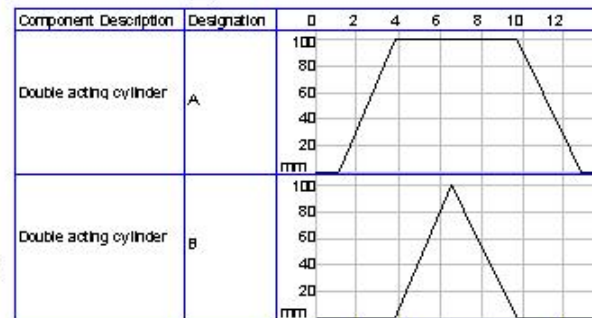
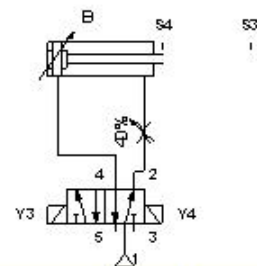
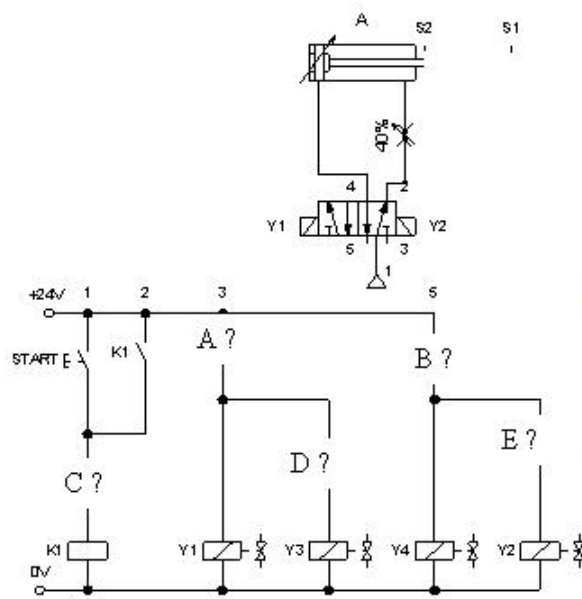
- C. Cuộn dây điều khiển Y3
- D. Cuộn dây điều khiển Y4

Câu 228: E ?

- A. Cuộn dây điều khiển Y1
- B. Cuộn dây điều khiển Y2
- C. Cuộn dây điều khiển Y3
- D. Cuộn dây điều khiển Y4



Mô tả sau đây dành cho 5 câu hỏi tiếp.
Cho mạch điện khí nén điều khiển theo bảng .



Câu 229: A ?



- A. Tiếp điểm K1 thông mở
- B. Tiếp điểm K1 thông đóng
- C. Công tắc hành trình S1
- D. Công tắc hành trình S3

Câu 230: B ?



- A. Tiếp điểm K1 thông đóng
- B. Tiếp điểm K1 thông mở
- C. Công tắc hành trình S2
- D. Công tắc hành trình S4

Câu 231: C ?

- A. Công tắc hành trình S2
- B. Công tắc hành trình S1
- C. Công tắc hành trình S3
- D. Công tắc hành trình S4



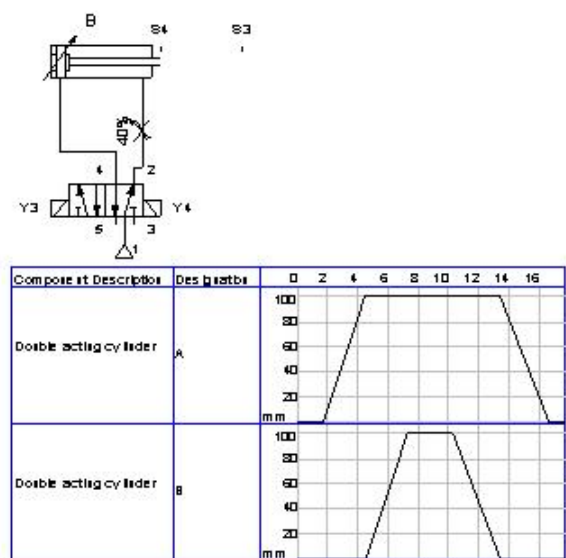
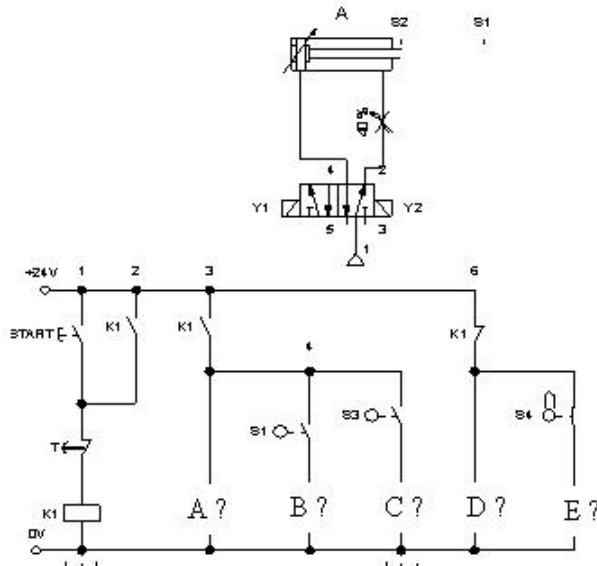
Câu 232: D ?

- A. Công tắc hành trình S2
- ☒ B. Công tắc hành trình S1
- C. Công tắc hành trình S4
- D. Công tắc hành trình S3

Câu 233: E ?

- A. Công tắc hành trình S2
- ☒ B. Công tắc hành trình S4
- C. Công tắc hành trình S1
- D. Công tắc hành trình S3

Mô tả sau đây dành cho 5 câu hỏi tiếp.
Cho mạch điện khí nén điều khiển theo từng.



Câu 234: A ?

- A. Cuộn dây on delay T
- ☒ B. Cuộn dây Y1
- C. Cuộn dây Y2
- D. Cuộn dây Y3

Câu 235: B ?

- A. Cuộn dây Y1
- B. Cuộn dây Y2
- ☒ C. Cuộn dây Y3
- D. Cuộn dây on delay T

Câu 236: C ?

- A. Cuộn dây Y1
- B. Cuộn dây Y2
- ☒ C. Cuộn dây Y3

ABC D. Cuộn dây on delay T

Câu 237: D ?

A. Cuộn dây Y1

ABC B. Cuộn dây Y4

C. Cuộn dây Y2

D. Cuộn dây on delay T

Câu 238: E ?

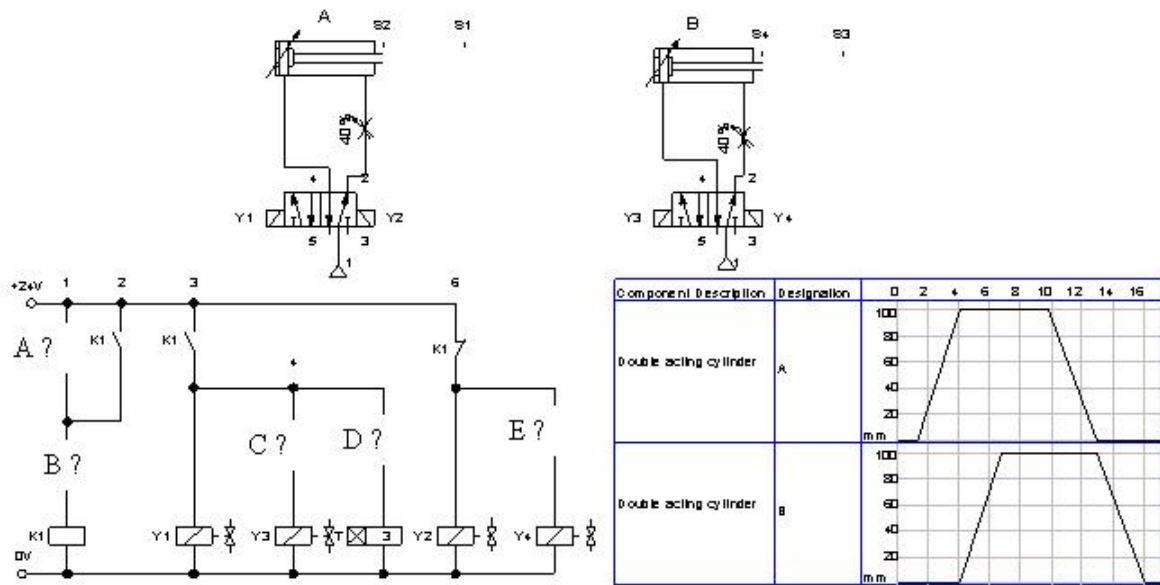
A. Cuộn dây Y1

B. Cuộn dây Y4

ABC C. Cuộn dây Y2

D. Cuộn dây on delay T

Mô tả sau đây dành cho 5 câu hỏi tiếp.
Cho mạch điện khí nén điều khiển theo từng.



Câu 239: A ?

ABC A. Nút nhấn START

B. Tiếp điểm T

C. Công tắc hành trình S1

D. Công tắc hành trình S3

Câu 240: B ?

ABC A. Tiếp điểm T

B. Công tắc hành trình S1

C. Công tắc hành trình S2

D. Công tắc hành trình S3

Câu 241: C ?

A. Tiếp điểm T

- ☒ B. Công tắc hành trình S1
 C. Công tắc hành trình S2
 D. Công tắc hành trình S3

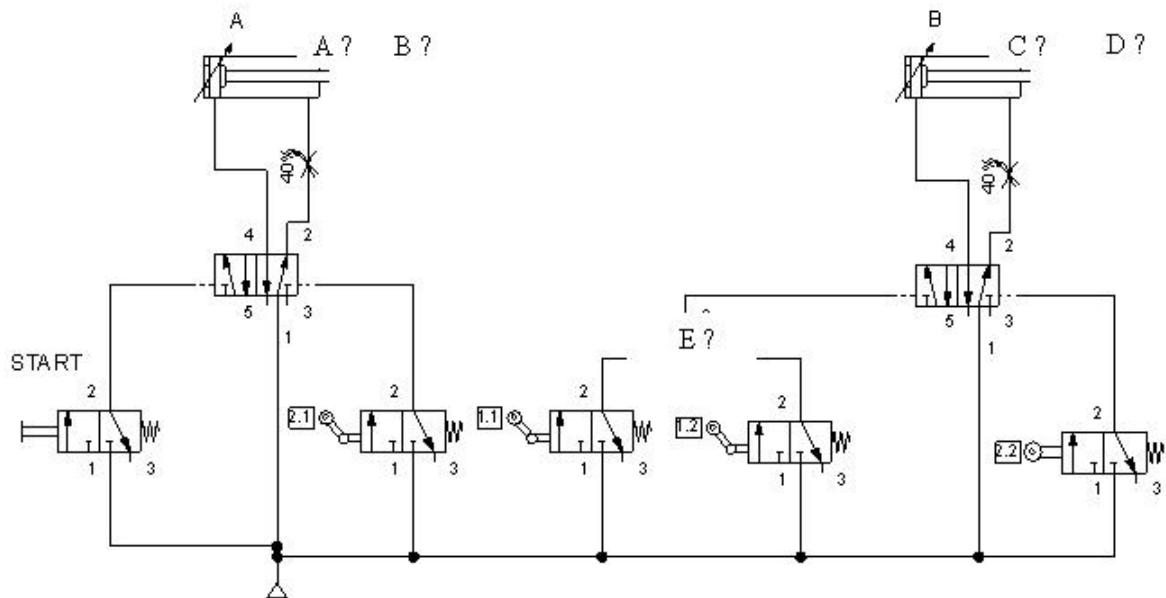
Câu 242: D ?

- A. Công tắc hành trình S1
 B. Công tắc hành trình S2
☒ C. Công tắc hành trình S3
 D. Tiếp điểm T

Câu 243: E ?

- A. Tiếp điểm T
☒ B. Công tắc hành trình S2
 C. Công tắc hành trình S3
 D. Công tắc hành trình S4

Mô tả sau đây dành cho 5 câu hỏi kế tiếp.
 Cho mạch khí nén điều khiển theo chu trình : A+B+B-A-B+B-.
 Bật hành trình của xy lanh A & B là 100 mm.



Câu 244: A ?

- A. Công tắc hành trình 1.2, vị trí 99 mm
☒ B. Công tắc hành trình 1.1, vị trí 1 mm
 C. Công tắc hành trình 1.1, vị trí 0 mm
 D. Công tắc hành trình 2.1, vị trí 1 mm

Câu 245: B ?

- ☒ A. Công tắc hành trình 1.2, vị trí 99 mm
 B. Công tắc hành trình 1.2, vị trí 100 mm
 C. Công tắc hành trình 1.1, vị trí 1 mm

D. Công tắc hành trình 2.1, vị trí 1 mm

Câu 246: C ?



A. Công tắc hành trình 2.1, vị trí 1 mm

B. Công tắc hành trình 2.1, vị trí 0 mm

C. Công tắc hành trình 1.1, vị trí 1 mm

D. Công tắc hành trình 1.1, vị trí 0 mm

Câu 247: D ?

A. Công tắc hành trình 1.2, vị trí 99 mm

B. Công tắc hành trình 2.1, vị trí 1 mm



C. Công tắc hành trình 2.2, vị trí 100mm

D. Công tắc hành trình 1.2, vị trí 100 mm

Câu 248: E ?

A. Van AND



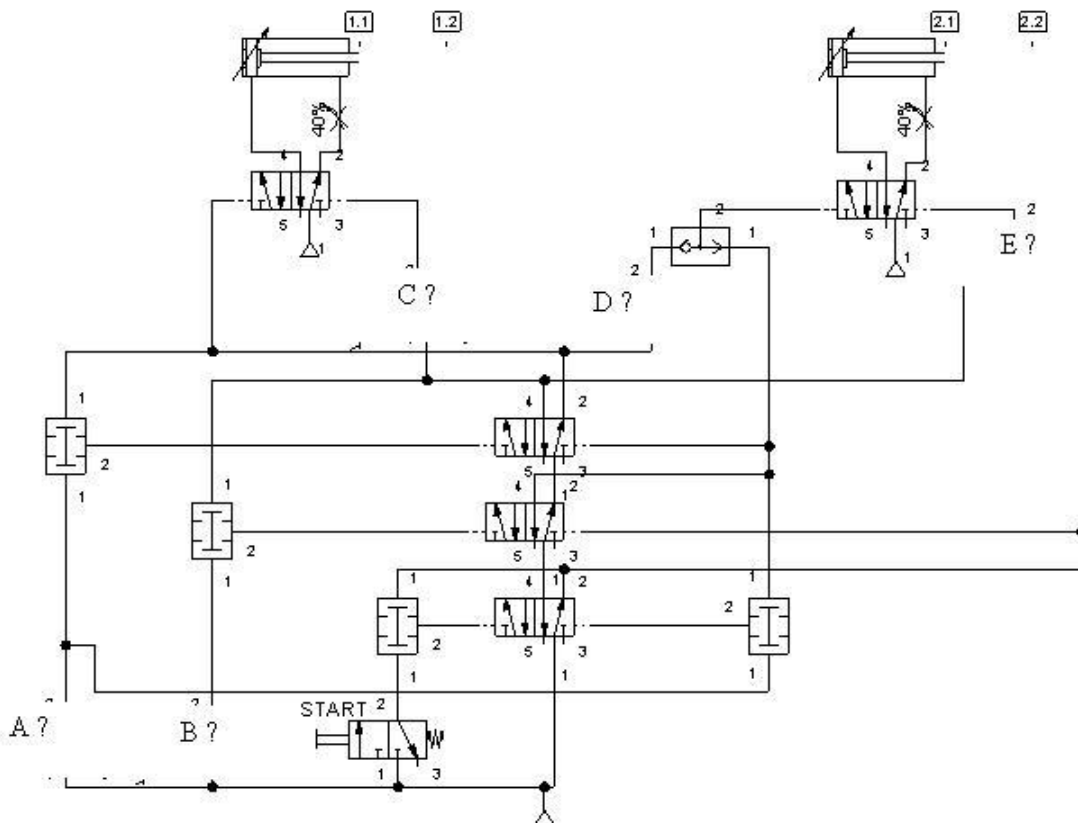
B. Van OR

C. Van áp suất

D. Van tiết lưu

Mô tả sau đây dành cho 5 câu hỏi tiếp.

Cho mạch khí nén điều khiển theo từng : A+B+B-A-B+B-



Câu 249: A ?

A. Van OR

-  B. Công tác hành trình 2.2
 C. Công tác hành trình 1.1
 D. Công tác hành trình 2.1

Câu 250: B ?

- A. Công tác hành trình 1.2
 B. Công tác hành trình 1.1
 C. Công tác hành trình 2.2
 D. Van OR

Câu 251: C ?

- A. Công tác hành trình 1.2
 B. Công tác hành trình 2.2
 C. Công tác hành trình 2.1
 D. Van OR

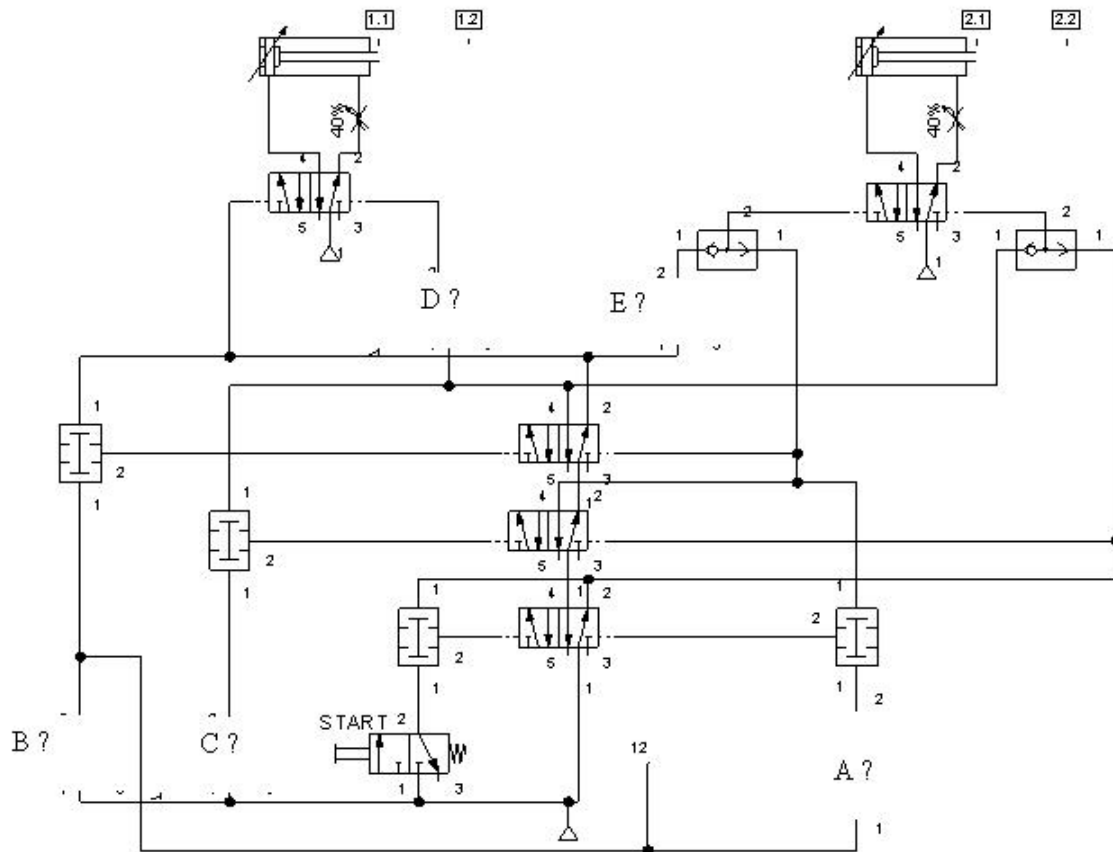
Câu 252: D ?

-  A. Công tác hành trình 1.2
 B. Công tác hành trình 2.2
 C. Công tác hành trình 1.1
 D. Van AND

Câu 253: E ?

- A. Công tác hành trình 1.2
 B. Công tác hành trình 2.2
 C. Van OR
 D. Van AND

Mô tả sau đây dành cho 5 câu hỏi kế tiếp.
 Cho mạch khí nén điều khiển theo từng : A+B+B-A-B+_____B-



Câu 254: A ?

- ☒ A. Role thời gian khí
- ☐ B. Role áp suất
- ☐ C. Công tắc hành trình 2.2
- ☐ D. Công tắc hành trình 1.1

Câu 255: B ?

- ☐ A. Role thời gian khí
- ☐ B. Role áp suất
- ☒ C. Công tắc hành trình 2.2
- ☐ D. Công tắc hành trình 1.1

Câu 256: C ?

- ☐ A. Role thời gian khí
- ☐ B. Role áp suất
- ☐ C. Công tắc hành trình 2.2
- ☒ D. Công tắc hành trình 1.1

Câu 257: D ?

- ☒ A. Công tắc hành trình 2.1
- ☐ B. Công tắc hành trình 1.2
- ☐ C. Role thời gian khí

D. Role áp suất

Câu 258: E ?

A. Công tắc hành trình 2.1



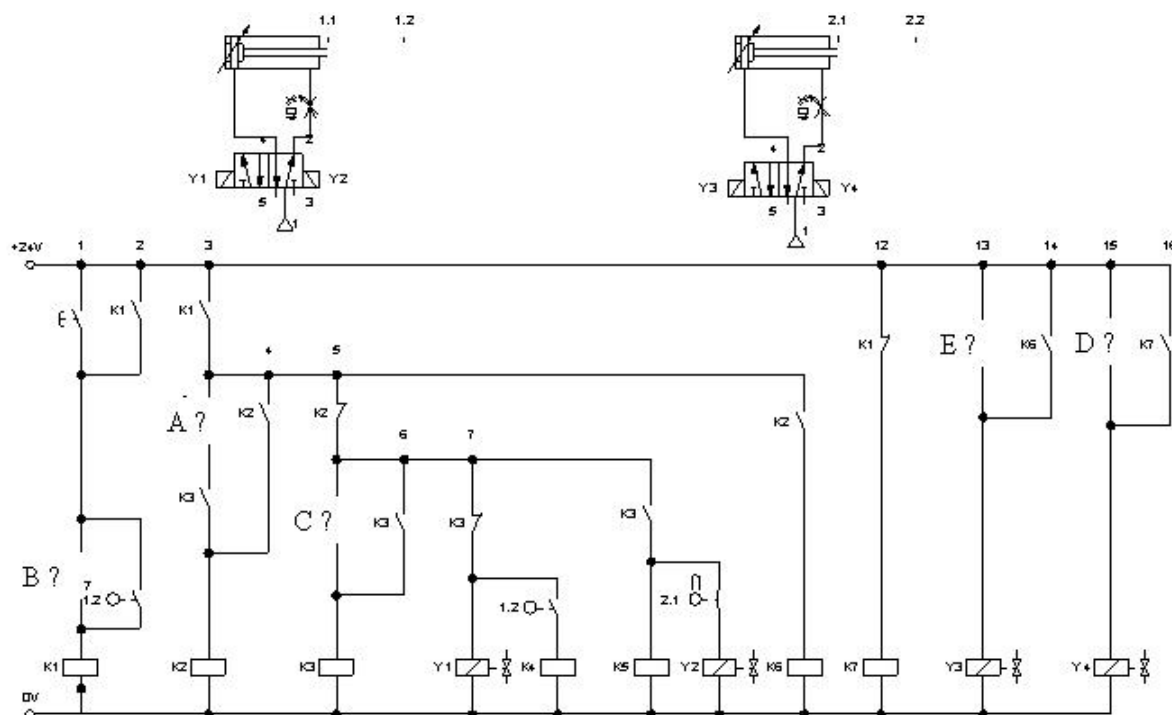
B. Công tắc hành trình 1.2

C. Role thời gian khí

D. Role áp suất

Mô tả sau đây dành cho 5 câu hỏi tiếp.

Cho mạch điện khí nén điều khiển theo trình : A+B-B-A-B+



Câu 259: A ?

A. Công tắc hành trình 2.2



B. Công tắc hành trình 1.1

C. Tiếp điểm K 4

D. Tiếp điểm K5

Câu 260: B ?



A. Công tắc hành trình 2.2

B. Công tắc hành trình 1.1

C. Tiếp điểm K4

D. Tiếp điểm K5

Câu 261: C ?



A. Công tắc hành trình 2.2

B. Công tắc hành trình 1.1

C. Tiếp điểm K4

D. Tiếp điểm K5

Câu 262: D ?

- A. Công tác hành trình 2.2
- B. Công tác hành trình 1.1
- C. Tiếp điểm K4



D. Tiếp điểm K5

Câu 263: E ?

- A. Công tác hành trình 2.2
- B. Công tác hành trình 1.1



C. Tiếp điểm K4

D. Tiếp điểm K5